



Annual Report BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

MỤC LỤC

01

GIỚI THIỆU QNS

01

Điểm nhấn năm 2021

02

Định hướng phát triển

06

Quá trình hình thành và phát triển

07

Thông tin cổ phần, cổ đông

09

Thông tin mô hình quản trị

14

Thông tin Ban lãnh đạo

17

Ngành nghề SXKD

21

Rủi ro

27

02

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

29

Báo cáo của Ban điều hành

30

Báo cáo của Hội đồng quản trị

56

Báo cáo của Ban kiểm soát

61

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan

64

Giao dịch với công ty con

65

03

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NĂM 2022

66

04

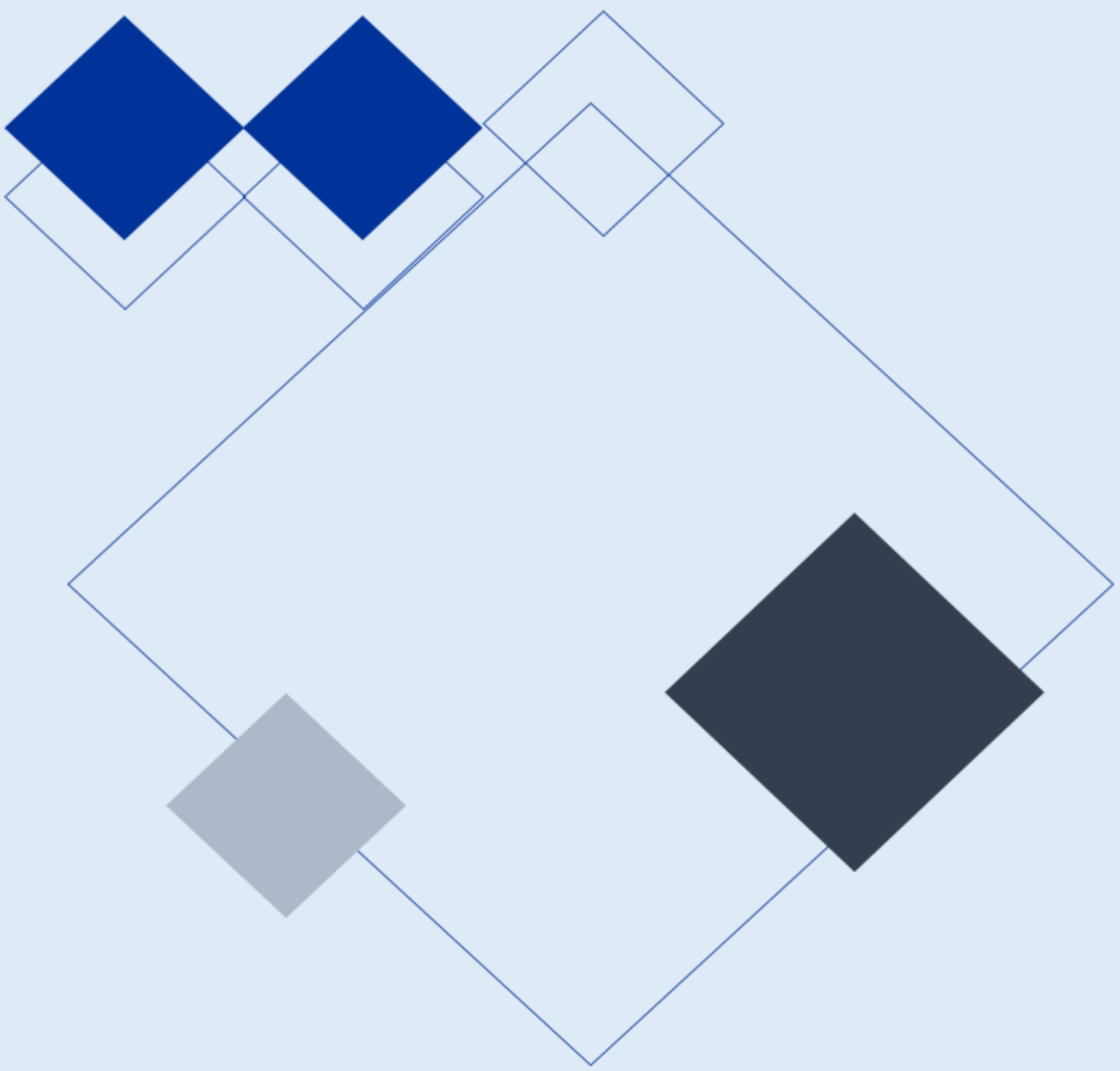
LIÊN HỆ

71

05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021

73



GIỚI THIỆU QNS

ĐIỂM NHẤN NĂM 2021

7.570 TỶ ĐỒNG

TỔNG DOANH THU
(HỢP NHẤT)

1.439 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
(HỢP NHẤT)

1.254 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN SAU THUẾ
(HỢP NHẤT)

9.876 TỶ ĐỒNG

TỔNG TÀI SẢN
(TẠI NGÀY 31/12/2021)

17.276 TỶ ĐỒNG

VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG
(TẠI NGÀY 31/12/2021)

↑ 4 %

THỊ PHẦN SỮA ĐẬU NÀNH BAO
BÌ HỘP GIẤY TẠI VIỆT NAM
SO VỚI NĂM 2020

4.100 NGƯỜI

SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG

4.117 ĐỒNG/CP

EPS



ĐIỂM NHẤN NĂM 2021

TỔNG DOANH THU
↑ 13%
SO VỚI NĂM 2020

LNST
↑ 19%
SO VỚI NĂM 2020



Năm 2021, Kết quả kinh doanh của QNS ghi nhận sự tăng trưởng ở cả doanh thu và lợi nhuận. Tổng doanh thu đạt 7.570 tỷ đồng tăng 13%, lợi nhuận sau thuế đạt 1.254 tỷ đồng tăng 19% so với năm 2020.

THÁNG 7/2021
DÂY CHUYỀN ĐƯỜNG RE
HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI



Từ tháng 7 năm 2021, dây chuyền đường tinh luyện RE chính thức đi vào sản xuất thương mại, góp phần đa dạng hóa sản phẩm đường của QNS, tăng tính cạnh tranh và mang lại hiệu quả cho Công ty.

90%
THỊ PHẦN SỮA ĐẬU NÀNH BAO
BÌ HỘP GIẤY TẠI VIỆT NAM

Theo AC Nielsen, đến tháng 12.2021 thị phần về sản lượng của Vinasoy đạt đến 90% thị phần sữa đậu nành tại Việt Nam.



ĐIỂM NHẤN NĂM 2021



VNR500 – Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam là bảng xếp hạng uy tín được xây dựng dựa trên kết quả nghiên cứu, đánh giá độc lập theo chuẩn mực quốc tế của Vietnam Report và công bố thường niên bởi Báo VietNamNet.

KẾT QUẢ XẾP HẠNG QNS

Xếp hạng **186/500** TOP 500 DN lớn nhất Việt Nam

Xếp hạng **97/500** TOP 500 DN tư nhân lớn nhất Việt Nam

Xếp hạng **92/500** TOP 500 DN lợi nhuận tốt nhất Việt Nam

Xếp hạng **49/500** TOP 500 DN tư nhân lợi nhuận lớn nhất Việt Nam

TOP 10 – Công ty thực phẩm uy tín năm 2021

Ngày 20/10/2021, Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) chính thức công bố Top 10 Công ty uy tín ngành Thực phẩm - Đồ uống năm 2021.

Công ty CP Đường Quảng Ngãi tiếp tục lọt vào top 10 Công ty thực phẩm uy tín năm 2021 - Nhóm ngành: Đường, bánh kẹo và thực phẩm dinh dưỡng khác.

ĐIỂM NHẤN NĂM 2021

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2020-2022 Chương trình Thương hiệu Quốc gia Việt Nam (THQG) đã được Chính phủ giao Bộ Công Thương quản lý, thực hiện với mục đích xây dựng hình ảnh Việt Nam là một quốc gia có uy tín về sản phẩm hàng hóa, đa dạng, phong phú về dịch vụ, tăng cường sức cạnh tranh cho các thương hiệu sản phẩm Việt Nam trên thị trường trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Công ty CP Đường Quảng Ngãi tiếp tục là doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam giai đoạn 2020 – 2022.



BEST PLACE TO WORK 2021

Thương hiệu VINASOY thuộc QNS
Đạt **TOP 50** Doanh nghiệp Việt đạt thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn năm 2021.

TOP 30 - THƯƠNG HIỆU XANH TRONG CMCN 4.0

“Thương hiệu xanh trong CMCN 4.0 là chương trình truyền thông nhằm tôn vinh, nhân rộng điển hình doanh nghiệp, thương hiệu ứng dụng công nghệ xanh, thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ môi trường do Tạp chí Việt Nam hội nhập - Viện Chính sách, Pháp luật và Quản lý cùng các đơn vị liên quan tổ chức.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

(1) Tiếp tục giữ vững vị thế dẫn đầu sữa đậu nành bao bì hộp giấy tại thị trường Việt Nam và mở rộng xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc và Mỹ.

(2) Trở thành doanh nghiệp sản xuất đường lớn nhất Việt Nam.



Tầm nhìn: Trở thành doanh nghiệp phát triển bền vững, chất lượng dẫn đầu, trong đó mía đường, sữa đậu nành và các thực phẩm dinh dưỡng từ thực vật là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi.



Sứ mệnh: Chúng tôi cam kết không ngừng sáng tạo để mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng tốt nhất. Nhờ đó, chúng tôi và cộng đồng xung quanh sẽ có cuộc sống ý nghĩa hơn, tốt đẹp hơn và thịnh vượng hơn.



Định vị: QNS là thương hiệu dẫn đầu tại Việt Nam và vươn tầm thế giới

Giá trị cốt lõi:

Đồng thuận: toàn thể người lao động luôn đồng lòng vì mục tiêu phát triển chung của QNS.

Tận tâm: nỗ lực không mệt mỏi nhằm đem đến những sản phẩm tốt nhất đến cho người tiêu dùng.

Sáng tạo: luôn đi đầu trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học tiên tiến trong công nghệ chế biến nhằm cho ra đời những thương hiệu mạnh, uy tín.





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
Giấy CN ĐKKD:	4300205943
Vốn điều lệ:	3.569.399.550 đồng
Địa chỉ trụ sở:	02 Nguyễn Chí Thanh, P. Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
Điện thoại:	0255 3726110
Fax:	0255 3822843
Website:	www.qns.com.vn
Email:	info@qns.com.vn

TỔNG QUAN VỀ QNS

Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi tiền thân là Công ty Đường Quảng Ngãi thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn được thành lập từ những năm 70 của thế kỷ XX với 02 sản phẩm chính là Đường RS và Cồn cùng số lao động khoảng 650 người.

Ngày 30/9/2005, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã ra Quyết định số 2610/QĐ/BNN-ĐMDN về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Đường Quảng Ngãi thành Công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi.

Ngày 28/12/2005, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3403000079 và Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1/1/2006.

Đến nay, sau 15 năm hoạt động, vốn điều lệ là 3.569 tỷ đồng, tăng gấp 73 lần so với ban đầu.

01.01.2006, QNS chính thức đi vào hoạt động. Khởi đầu những thách thức trong giai đoạn đổi mới trong cổ phần hóa.

29.11.2007: QNS chính thức được công nhận là Công ty đại chúng theo Giấy chứng nhận số 236/ĐKCB do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

2006
2007

Năm 2008: thành lập công ty con Cty TNHH MTV TM Thành Phát, với tỷ lệ sở hữu 100%.

23.06.2009: nhà nước đã thoái toàn bộ vốn tại QNS bằng hình thức bán cho nhà đầu tư bên ngoài và người lao động trong Cty và chính thức trở thành Công ty Cổ phần không còn vốn nhà nước.

2008
2009

14.12.2010: Nhà máy Cồn rượu và Nhà máy Đường Quảng Phú tạm dừng hoạt động.

Năm 2011: Quyết định đổi tên Xí nghiệp Cơ khí thành Nhà máy Cơ khí, thành lập Xí nghiệp Cơ giới nông nghiệp và Trung tâm Môi trường & Nước sạch.

2010
2011

Xây dựng NM Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy Bắc Ninh với CS giai đoạn I là 90 triệu lít/năm. Đầu tư mở rộng nâng công suất NM Bia Dung Quất từ 50 triệu lít/năm lên 100 triệu lít/năm. Đầu tư mở rộng nâng công suất NM Đường An Khê lên 10.000 TMN.

Thành lập TT nghiên cứu Ứng dụng đậu nành VSAC.

2012
2013

Năm 2014: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi chính thức được lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Xây dựng Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy tại Bắc Ninh giai đoạn II công suất 180 triệu lít/năm.

2014
2015

Ngày 20.12.2016: cổ phiếu QNS của Công ty chính thức giao dịch tại sàn GDCK UPCOM.

Xây dựng NM Vinasoy Bình Dương công suất giai đoạn I 90 triệu lít/năm.

Đầu tư MR NCS NM Đường An Khê lên 18.000 TMN.

2010
2011

Năm 2018: NM Điện sinh khối An Khê chính thức hòa vào lưới điện quốc gia.

Đầu tư dây chuyền sản xuất đường tinh luyện RE với công suất 1.000 tấn đường/ngày

2018
2019

18.06.2020: sản phẩm sữa đậu nành Fami của Vinasoy đã lần lượt hiện diện trên các sàn thương mại điện tử lớn nhất Trung Quốc.

2020

Tháng 4.2021: Trung tâm Giống Mía Quảng Ngãi chuyển đổi thành Trung Tâm Nghiên Cứu và Phát Triển Đậu Nành để phục vụ mục tiêu phát triển vùng nguyên liệu đậu nành bền vững.

01.07.2021: Dây chuyền đường tinh luyện RE chính thức đi vào hoạt động thương mại.

2021



THÔNG TIN CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Mã chứng khoán

QNS

Sàn giao dịch

UPCOM

SLCP lưu hành

356.939.955

CP

Tổng giá trị giao
dịch năm 2021

9.603 tỷ đồng

% giá trị giao
dịch sàn UPCOM

2,3%

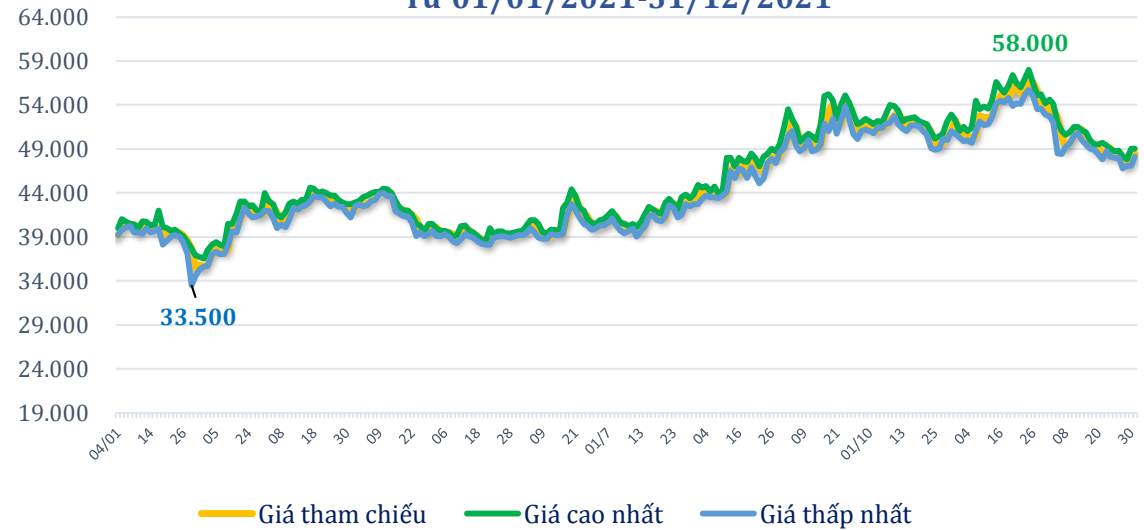
Vốn hóa thị
trường tại
31/12/2021

17.276 tỷ đồng

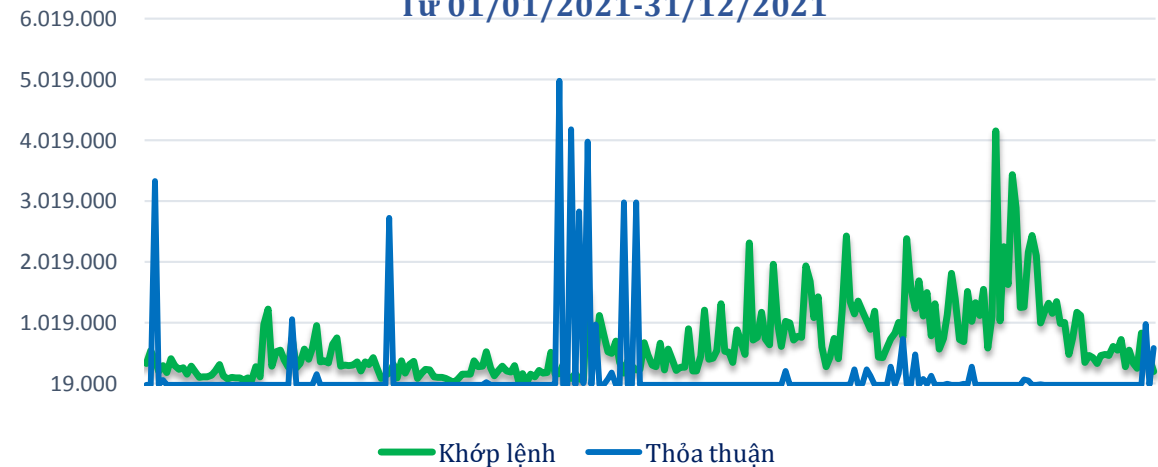
CÔNG TY CP ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

Được đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 20/12/2016.

**BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU QNS
Từ 01/01/2021-31/12/2021**



**KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QNS
Từ 01/01/2021-31/12/2021**



THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Vốn điều lệ:	3.569.399.550 đồng
Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi
Mã chứng khoán:	QNS
Sàn giao dịch:	UPCOM
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu:	356.939.955 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành:	356.939.955 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu quỹ:	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do:	351.088.463 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng:	5.851.492 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa:	49%

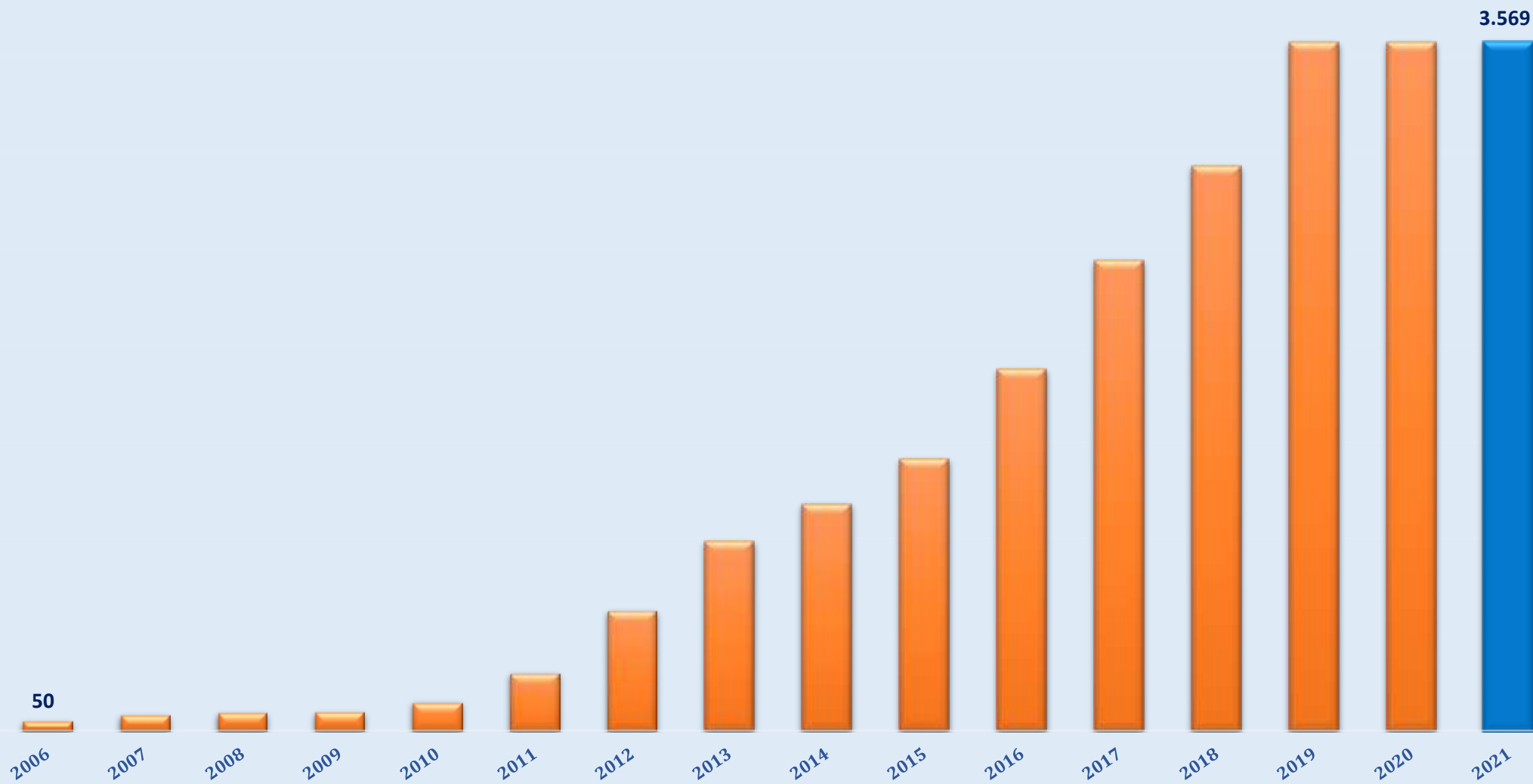
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại ngày 15/02/2022

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cổ đông lớn ($\geq 5\%$):	97.627.785	27,4%
Cổ đông khác:	259.312.170	72,6%
Tổng cộng	356.939.955	100%
<i>Trong nước:</i>	<i>295.172.298</i>	<i>82,7%</i>
- Tổ chức	82.441.261	23,1%
- Cá nhân:	212.731.037	59,6%
<i>Nước ngoài:</i>	<i>61.767.657</i>	<i>17,3%</i>
- Tổ chức	61.200.725	17,1%
- Cá nhân:	566.932	0,2%

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ NĂM 2006-2021

Đơn vị tính: tỷ đồng



QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ NĂM 2006-2021 (tiếp theo)

Đợt tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Số vốn tăng thêm	Vốn điều lệ	Đối tượng phát hành	Hình thức phát hành
VĐL ban đầu	Tháng 12/2005		49.968.400.000		Cổ phần hóa
Đợt 1	Tháng 12/2007	29.981.260.000	79.949.660.000	Cổ đông hiện hữu	Chào bán chứng khoán ra công chúng
Đợt 2	Tháng 05/2008	7.964.720.000	87.914.380.000	Cổ đông hiện hữu	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10%
Đợt 3	Tháng 06/2008	3.997.490.000	91.911.870.000	Người lao động	Phát hành 5% VĐL cho người lao động có lựa chọn
Đợt 4	Tháng 12/2009	4.221.590.000	96.133.460.000	Người lao động	Phát hành 5% VĐL cho người lao động có lựa chọn
Đợt 5	Tháng 05/2010	44.348.040.000	140.481.500.000	Cổ đông hiện hữu	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 50%
Đợt 6	Tháng 12/2010	4.435.370.000	144.916.870.000	Người lao động	Phát hành 5% VĐL cho người lao động có lựa chọn
Đợt 7	Tháng 05/2011	137.490.870.000	282.407.740.000	Cổ đông hiện hữu	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100%
Đợt 8	Tháng 07/2011	13.749.080.000	296.156.820.000	Người lao động	Phát hành 5% VĐL cho người lao động có lựa chọn
Đợt 9	Tháng 04/2012	296.156.820.000	592.313.640.000	Cổ đông hiện hữu	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100%
Đợt 10	Tháng 05/2012	29.615.680.000	621.929.320.000	Người lao động	Phát hành 5% VĐL cho người lao động có lựa chọn
Đợt 11	Tháng 05/2013	310.964.520.000	932.893.840.000	Cổ đông hiện hữu	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 50%

Đợt tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Số vốn tăng thêm	Vốn điều lệ	Đối tượng phát hành	Hình thức phát hành
Đợt 12	Tháng 06/2013	46.389.690.000	979.283.530.000	Người lao động	Phát hành 5% VĐL cho người lao động có lựa chọn.
Đợt 13	Tháng 05/2014	195.849.510.000	1.175.133.040.000	Cổ đông hiện hữu	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20%
Đợt 14	Tháng 04/2015	235.019.480.000	1.410.152.520.000	Cổ đông hiện hữu	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20%
Đợt 15	Tháng 05/2016	423.036.660.000	1.833.189.180.000	Cổ đông hiện hữu	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 30%
Đợt 16	Tháng 07/2016	42.304.550.000	1.875.493.730.000	Người lao động	Phát hành 3% VĐL cho người lao động có lựa chọn.
Đợt 17	Tháng 05/2017	562.636.810.000	2.438.130.540.000	Cổ đông hiện hữu	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 30%
Đợt 18	Tháng 05/2018	487.615.550.000	2.925.746.090.000	Cổ đông hiện hữu	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20%
Đợt 19	Tháng 05/2019	585.138.540.000	3.510.884.630.000	Cổ đông hiện hữu	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20%
Đợt 20	Tháng 05/2019	58.514.920.000	3.569.399.550.000	Người lao động	Phát hành 2% VĐL cho người lao động có lựa chọn.



THÔNG TIN MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi là Công ty đại chúng quy mô lớn, được sở hữu bởi hơn 7.000 cổ đông là các cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước.

Công ty CP Đường Quảng Ngãi bao gồm:

- 16 chi nhánh
- 01 Công ty con
- 02 Văn phòng đại diện
- 01 Địa điểm kinh doanh



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, thực hiện các chức năng cùng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đương nhiệm tính đến 31/12/2021 của Công ty có 6 thành viên bao gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch và 4 thành viên.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đương nhiệm của Công ty có 3 thành viên bao gồm Trưởng ban và 2 thành viên.

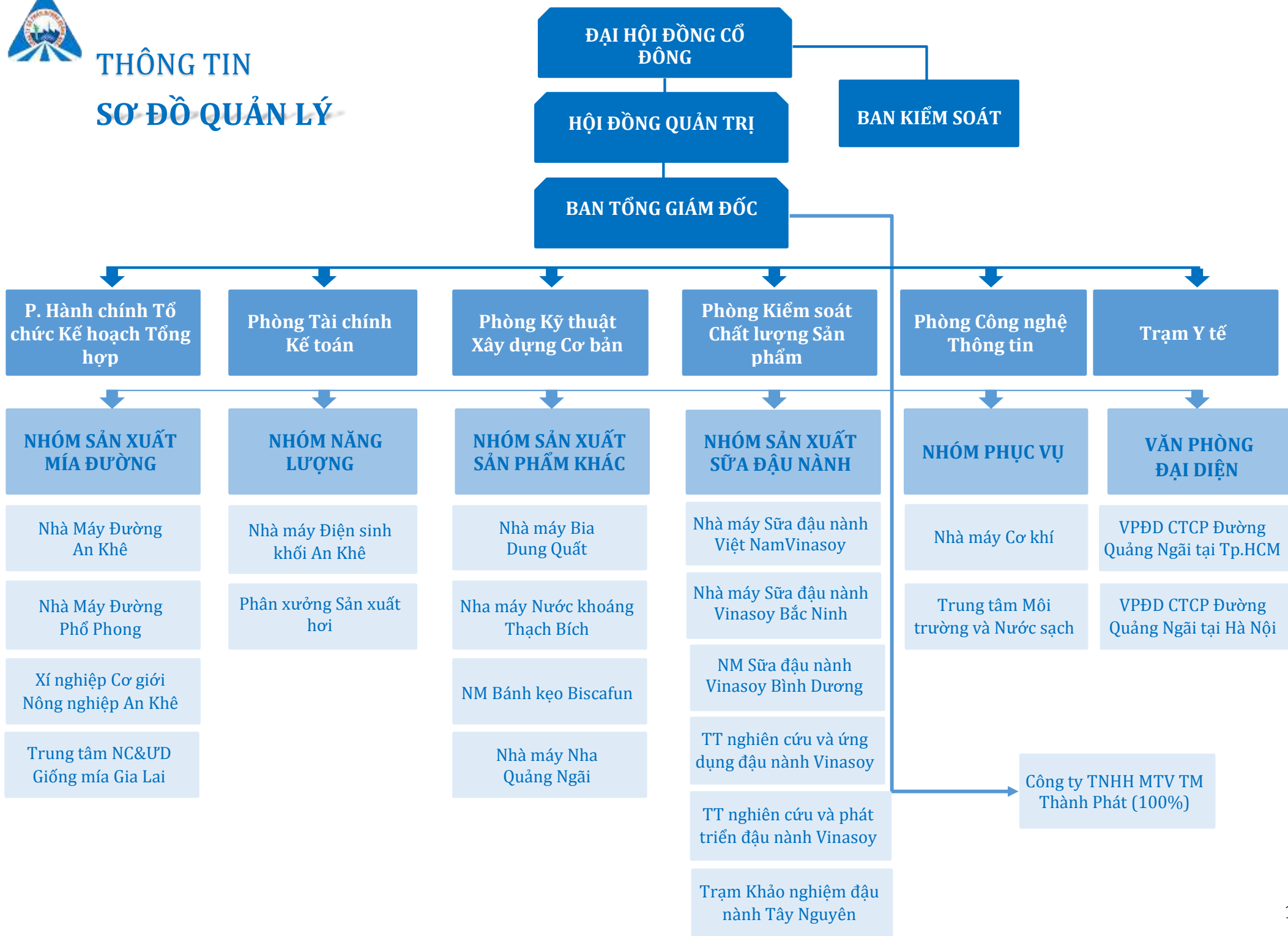
Ban Tổng Giám đốc (Ban điều hành)

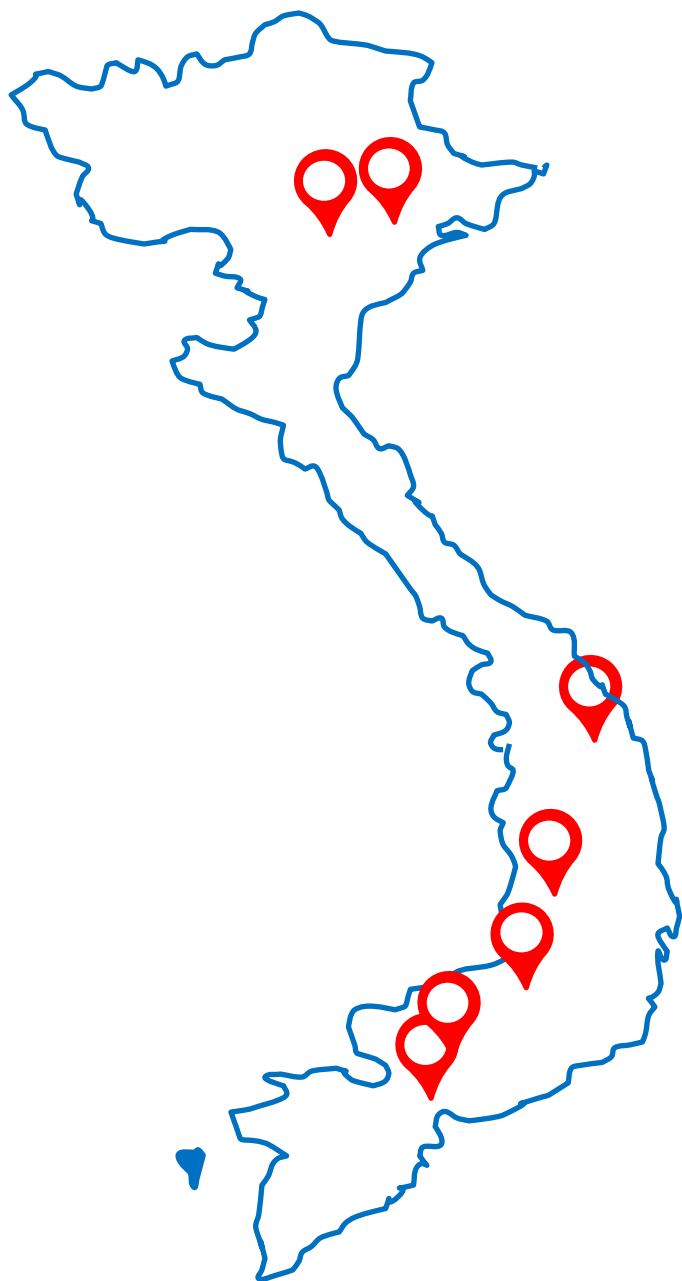
Ban Tổng Giám đốc đương nhiệm của Công ty có 3 thành viên bao gồm Tổng Giám đốc và 2 Phó Tổng Giám đốc phụ trách về các lĩnh vực Tài chính và Kinh doanh.

Công ty chưa trả bất kỳ thù lao và các khoản lợi ích nào cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.



THÔNG TIN SƠ ĐỒ QUẢN LÝ





Tỉnh Quảng Ngãi

Trụ sở chính, NM Bia Dung Quất, NM Nước khoáng Thạch Bích, Nhà máy Bánh kẹo Biscafun, NM Nha Quảng Ngãi, NM Cơ khí, Trung tâm Môi trường và Nước sạch, Phân xưởng sản xuất hơi, Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy, Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng đậu nành; Trung tâm nghiên cứu và phát triển đậu nành Vinasoy và Công ty TNHH MTV TM Thành Phát đặt tại Khu Công nghiệp Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi.

NM Đường Phổ Phong đặt tại xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Tỉnh Gia Lai

NM Đường An Khê, NM Điện Sinh khối An Khê, Xí nghiệp Cơ giới Nông nghiệp An Khê đặt tại xã Thành An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Giống mía Gia Lai đặt tại xã An Thành, huyện Đakpơ, tỉnh Gia Lai

Tỉnh Bắc Ninh

NM Sữa đậu nành Vinasoy Bắc Ninh đặt tại Khu Công nghiệp Tiên Sơn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Tỉnh Bình Dương

NM Sữa đậu nành Vinasoy Bình Dương đặt tại Khu công nghiệp VSIP II-A, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Tỉnh Đắk Nông

Trạm Khảo nghiệm đậu nành Tây Nguyên tại huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông

TP.HCM

Văn phòng Đại diện Công ty CP Đường Quảng Ngãi tại TP.HCM đặt tại P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM

TP. Hà Nội

Văn phòng Đại diện Công ty CP Đường Quảng Ngãi tại Hà Nội đặt tại Tòa nhà Ford Thăng Long, 105 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội



THÔNG TIN

BAN LÃNH ĐẠO QNS

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trần Ngọc Phương	Chủ tịch
Ông Võ Thành Đàng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Tiến	Thành viên
Ông Đặng Phú Quý	Thành viên
Ông Ngô Văn Tụ	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đông	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Ông Nguyễn Đình Quế	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thành Huy	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông Võ Thành Đàng	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Tiến	Phó Tổng giám đốc
Ông Trần Ngọc Phương	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thế Bình	Kế toán trưởng

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN LÃNH ĐẠO

Trong năm 2021, Đại hội đồng cổ đông thường niên bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021-2025. HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025 thêm 01 thành viên mới là ông Nguyễn Văn Đông. HĐQT bầu Ông Trần Ngọc Phương tiếp tục giữ chức Chủ tịch HĐQT và Ông Võ Thành Đàng giữ chức Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025.



THÔNG TIN

BAN LÃNH ĐẠO QNS (tiếp theo)



Ông TRẦN NGỌC PHƯƠNG

*Thành viên sáng lập
Chủ tịch HĐQT
Phó Tổng Giám Đốc*

Sinh năm: 1964

Tỷ lệ sở hữu CP: 1,63%

Tỷ lệ sở hữu CP bao gồm người có liên quan:
2,03%

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế Trường Đại học Kinh tế Tp.
HCM.

Chức vụ công tác đã qua

Trưởng phòng Tài chính Kế toán NM Bia
Dung Quất; Phó phòng Thị trường, Phó
phòng Tài chính Kế toán Công ty Đường
Quảng Ngãi; Phó Giám đốc NM Bánh kẹo, Kế
toán trưởng Công ty.



Ông VÕ THÀNH ĐÀNG

*Thành viên sáng lập
Phó Chủ tịch HĐQT
Tổng Giám Đốc*

Sinh năm: 1954

Tỷ lệ sở hữu CP: 6,68%

Tỷ lệ sở hữu CP bao gồm người có liên quan:
9,68%

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư cơ khí Trường Đại học Bách Khoa Đà
Nẵng.

Chức vụ công tác đã qua

Trưởng phòng Kỹ thuật NM Đường Quảng
Ngãi, Phó GD kỹ thuật Công ty Đường Quảng
Ngãi, Thường vụ Đảng ủy Công ty Đường
Quảng Ngãi, Chủ tịch HĐQT Công ty CP
Đường Quảng Ngãi



Ông NGUYỄN HỮU TIẾN

*Thành viên sáng lập
Thành viên HĐQT
Phó Tổng Giám Đốc*

Sinh năm: 1955

Tỷ lệ sở hữu CP: 0,81%

Tỷ lệ sở hữu CP bao gồm người có liên quan:
2,94%

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế Trường ĐH Bách khoa Đà
Nẵng, Cử nhân Chính trị Học viện Hành
chính Quốc gia.

Chức vụ công tác đã qua

Quyền Trưởng phòng Cung tiêu NM Đường
Quảng Ngãi, Trưởng phòng Kế hoạch vật tư,
Phó Giám đốc Công ty Đường Quảng Ngãi..



THÔNG TIN

BAN LÃNH ĐẠO QNS (tiếp theo)



Ông NGÔ VĂN TỰ

*Thành viên sáng lập
Thành viên HĐQT
Giám đốc Vinasoy*

Sinh năm: 1956

Tỷ lệ sở hữu CP: 1,1%

Tỷ lệ sở hữu CP bao gồm người có liên quan:
1,11%

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Thực phẩm Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Thạc sỹ Kỹ thuật Trường Đại học Đà Nẵng.

Chức vụ công tác đã qua

Quản đốc phân xưởng nước giải khát
Giám đốc NM Nước khoáng Thạch Bích



Ông ĐẶNG PHÚ QUÝ

*Thành viên sáng lập
Thành viên HĐQT
Giám đốc Cty TNHH MTV TM Thành Phát*

Sinh năm: 1963

Tỷ lệ sở hữu CP: 0,38%

Tỷ lệ sở hữu CP bao gồm người có liên quan:
0,4%

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kế hoạch hóa KTQD

Chức vụ công tác đã qua

Phó quản đốc phân xưởng nha
Phó giám đốc NM Đường Phổ Phong
Trưởng phòng thị trường
Giám đốc Trung tâm Thương mại Xuất nhập khẩu



Ông NGUYỄN VĂN ĐÔNG

Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1979

Tỷ lệ sở hữu CP bao gồm người có liên quan:
0%

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế Trường ĐH Bách khoa Đà Nẵng, Cử nhân Chính trị Học viện Hành chính Quốc gia.

Chức vụ công tác đã qua

Phó phòng Tư vấn Tài chính doanh nghiệp,
Trưởng phòng Tư vấn Mua bán và sáp nhập
CTCP Chứng khoán Rồng Việt.

Chức vụ hiện nay

Giám đốc điều hành CTCP Chứng khoán
Rồng Việt.



THÔNG TIN

BAN LÃNH ĐẠO QNS (tiếp theo)



Ông NGUYỄN ĐÌNH QUẾ

*Thành viên sáng lập
Trưởng Ban kiểm soát
Chủ tịch Công đoàn*

Sinh năm: 1959

Tỷ lệ sở hữu CP: 0,67%

Tỷ lệ sở hữu CP bao gồm người có liên quan: 0,68%

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế

Chức vụ công tác đã qua

Phó Chủ tịch Công đoàn CTCP Đường Quảng Ngãi



Ông NGUYỄN THÀNH HUY

*Thành viên sáng lập
Kiểm soát viên
Phó phòng HC-TC-KHTH*

Sinh năm: 1968

Tỷ lệ sở hữu CP: 0,09%

Tỷ lệ sở hữu CP bao gồm người có liên quan: 0,09%

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế

Chức vụ công tác đã qua

Chuyên viên P. HC-TC-KHTH CTCP Đường Quảng Ngãi



Bà HUỖNH THỊ NGỌC DIỆP

*Thành viên sáng lập
Kiểm soát viên
Phó phòng HC-TC-KHTH*

Sinh năm: 1969

Tỷ lệ sở hữu CP: 0,08%

Tỷ lệ sở hữu CP bao gồm người có liên quan: 0,08%

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Tài chính ngân hàng Trường ĐH Bách Khoa Đà Nẵng.

Chức vụ công tác đã qua

Giám đốc Ngân hàng Đông Á – CN Quảng Ngãi, Chuyên viên Phòng P. HC-TC-KHTH CTCP Đường Quảng Ngãi



Ông NGUYỄN THẾ BÌNH

*Thành viên sáng lập
Kế toán Trưởng*

Sinh năm: 1973

Tỷ lệ sở hữu CP: 0,61%

Tỷ lệ sở hữu CP bao gồm người có liên quan: 0,61%

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Tài chính kế toán Trường ĐH Bách Khoa Đà Nẵng.

Chức vụ công tác đã qua

Phó phòng Tài chính Kế toán CTCP Đường Quảng Ngãi.

Các tỷ lệ sở hữu cổ phiếu trên theo danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày 15/02/2022.



NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH

- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa (Chế biến sữa đậu nành và các sản phẩm từ sữa đậu nành)
- Sản xuất đường
- Sản xuất điện sinh khối
- Sản xuất các loại bánh, kẹo
- Sản xuất bia
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng



ĐƯỜNG

Đường bao 20kg, 50 kg



Đường túi 0.5kg, 1kg



ĐIỆN SINH KHỐI

Phát triển năng lượng tái tạo là một định hướng được xác định trong Chiến lược phát triển quốc gia của Việt Nam. Với những lợi thế về nhiên liệu sinh khối, kinh nghiệm đầu tư và vận hành thiết bị điện, Công ty tiếp tục khai thác hiệu quả sản xuất mía đường thông qua sản xuất điện sinh khối và góp phần tạo ra nguồn năng lượng tái tạo sạch phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Chính phủ.



SỮA ĐẬU NÀNH

FAMI



Fami nguyên chất



Fami nguyên chất ít đường



Fami nguyên chất vị sữa dừa

VINASOY



Vinasoy nguyên chất



Fami nguyên chất vị đường đen



Fami nguyên chất vị tàu hũ gừng



Fami canxi ít đường



Fami canxi vị cà phê



Fami Go



Fami Kid



Fami canxi



Fami canxi vị bạc hà



Fami canxi vị phô mai

BIA DUNG QUẤT

BIA CHAI



BIA LON



NƯỚC KHOÁNG THẠCH BÍCH

NƯỚC KHOÁNG THẠCH BÍCH



Chai 500ml



Bình 4,9L



Bình 18,9L

NƯỚC TRÁI CÂY



Trà Bí đao
Thạch Bích



Nước khoáng
chanh leo
Thạch Bích



Nước khoáng
me Thạch Bích



Nước khoáng
cam Thạch Bích

NƯỚC KHOÁNG CÓ GA VÀ NƯỚC TĂNG



Nước khoáng
Thạch Bích bổ sung ga



Nước khoáng
Thạch Bích có ga



Nước khoáng
chanh muối có ga



Nước khoáng
chanh Thạch Bích
có ga



Nước khoáng
Chanh có ga



Nước tăng lực
LIONE



Nước tăng lực
Thạch Bích



BÁNH KẸO BISCAFUN

BÁNH MỀM PHỦ CHOCOLATE



Combo Pie



Sweet Pie



Nice

BÁNH QUY VÀ KEM XỐP



Calty



Camely vị cam



Camely vị sữa



Calty vị gừng



Walys hương vani



Walys hương sữa

KẸO



Kẹo sữa mềm



Hamecy vị chanh muối



Hamecy vị gừng



Hamecy vị muối ớt





RỦI RO

“Không có quá trình nào là không có rủi ro”

Công ty luôn liên tục cập nhật tất cả các thông tin liên quan đến việc vận hành quản trị rủi ro nhằm kịp thời nắm bắt sự vận động của các yếu tố có tác động đến hoạt động SXKD của Công ty để có những chính sách quản trị và biện pháp một cách hiệu quả các rủi ro. Công ty nhận định các nhóm rủi ro chính đối với hoạt động SXKD của Công ty như sau:

RỦI RO CHIẾN LƯỢC:

Trước những biến động không thể lường trước của nền kinh tế thế giới và sự cạnh tranh gay gắt, khốc liệt tại môi trường kinh doanh Việt Nam, việc hoạch định chiến lược KD dài hạn cũng như xác định mục tiêu phát triển một cách phù hợp và đúng đắn để có thể ứng phó kịp thời là một thách thức không hề nhỏ đối với Cty.

Biện pháp:

Công ty thường xuyên giám sát, đánh giá trong quá trình thực hiện các chiến lược và mục tiêu kinh doanh đồng thời xem xét để điều chỉnh kịp thời.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Hiện nay, hệ thống luật pháp của Việt Nam vẫn còn đang trong quá trình hoàn thiện, chưa hoàn chỉnh và chính sách pháp luật có thay đổi thường xuyên.

Hoạt động SXKD của Cty chịu sự điều chỉnh của pháp luật nên Cty cũng bị ảnh hưởng bởi những thay đổi đó.

Biện pháp:

Công ty thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn cũng như tự cập nhật những sự thay đổi trong chính sách pháp luật một cách kịp thời để phục vụ tốt nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và giúp Công ty thực hiện đúng các quy định của Nhà nước.

RỦI RO VỀ LÃI SUẤT

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết.

Biện pháp:

Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

RỦI RO VỀ TỶ GIÁ

Do có các giao dịch mua hàng, bán hàng và vay nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Biện pháp:

Công ty duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

RỦI RO VỀ THIÊN TAI

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai và biến đổi khí hậu. Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gắn liền với nông nghiệp, đặc biệt là mảng mía đường, đậu nành.

Biện pháp:

Cùng với những hỗ trợ của Chính Phủ cho người nông dân, Công ty đã chủ động nghiên cứu phát triển các giống mới có năng suất cao, khả năng chống chịu tốt, thích ứng với điều kiện khí hậu để nâng cao giá trị, giảm thiểu rủi ro do tác động của thiên tai tới hoạt động sản xuất của Công ty.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Bảo mật thông tin, nguồn lực con người và văn hóa doanh nghiệp đều là những vấn đề nhạy cảm, rất quan trọng trong kinh doanh. Khi xảy ra bất kỳ vấn đề nào có liên quan cũng có tác động và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Biện pháp:

Công ty đã chủ động xây dựng những chính sách để bảo mật thông tin, chính sách phát triển nhân sự cả về mặt lượng và chất luôn được triển khai đồng đều. Đồng thời, chi trả lương thưởng xứng đáng để tạo động lực cho người lao động.

RỦI RO VỀ DỊCH BỆNH

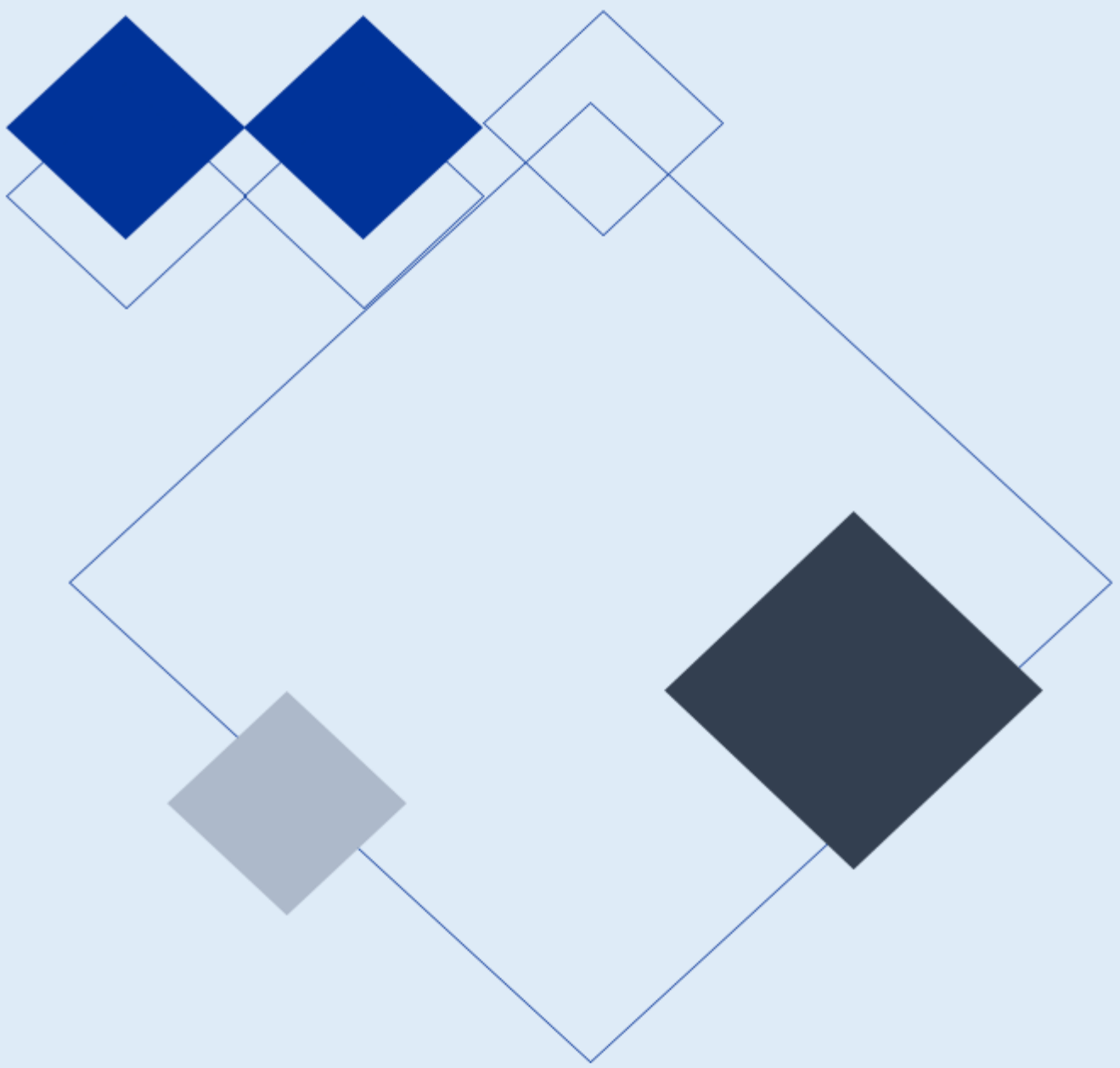
Sự bùng phát và kéo dài của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp COVID-19 gây tác động không nhỏ đối với kinh tế toàn cầu, trong đó có Việt Nam.

Biện pháp:

Trước tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, Công ty đã chủ động thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ 5K, vắc xin,... theo khuyến cáo của Bộ Y tế để giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh, giảm tối đa các rủi ro có khả năng gây gián đoạn quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

RỦI RO KHÁC

Ngoài những rủi ro trên, sẽ còn những rủi ro khác ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty luôn chủ động để tìm ra những giải pháp linh hoạt để thích ứng giảm thiểu tác động bất lợi đến quá trình hoạt động của Công ty.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

2021



BÁO CÁO CỦA BAN BAN ĐIỀU HÀNH

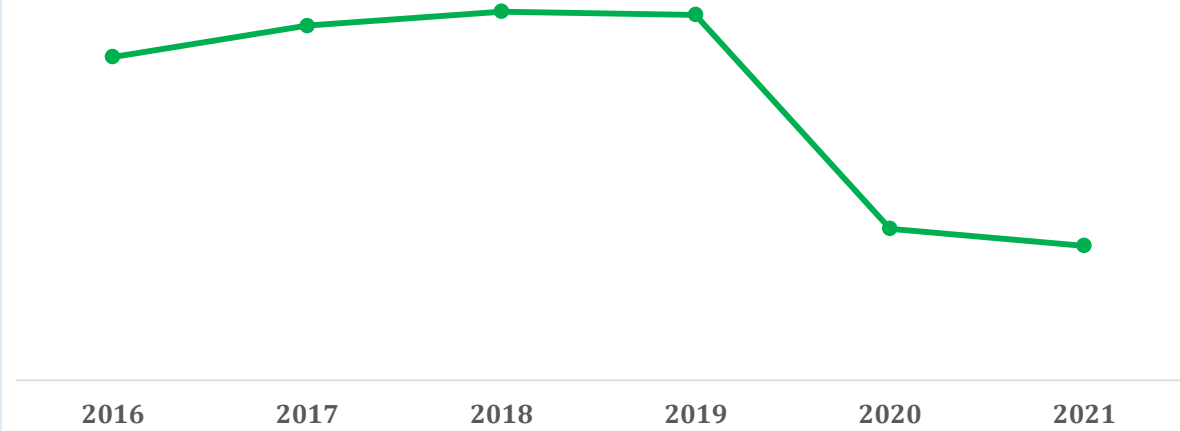
KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM 2021

Năm 2021, đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu với những biến thể mới, cản trở đà phục hồi của kinh tế thế giới. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, tăng trưởng kinh tế năm 2021 chỉ ở mức 2,58%, so với năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III/2021 nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh.

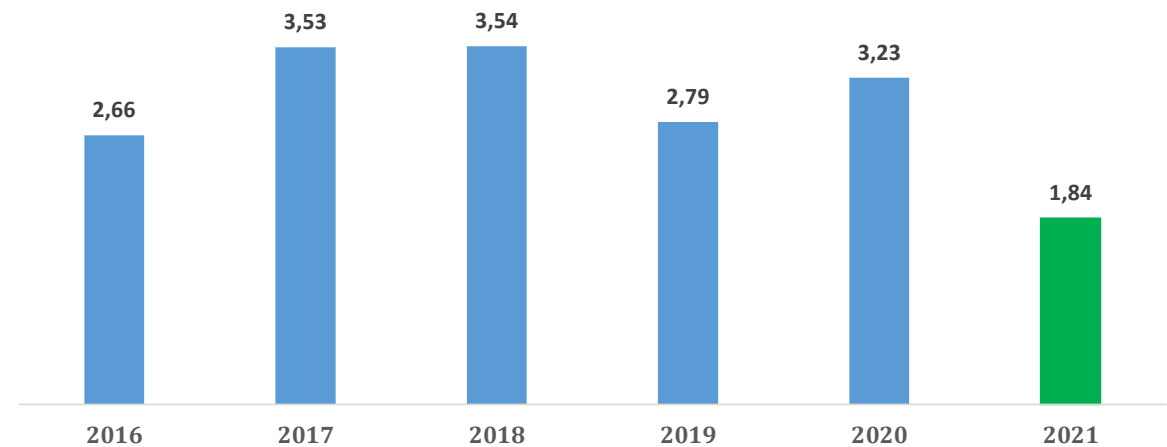
Những tác động của đại dịch COVID-19 gây ảnh hưởng dây chuyền làm nhu cầu tiêu thụ giảm, sản xuất bị gián đoạn, chuỗi cung ứng đứt gãy, lưu thông hàng hóa khó khăn, chi phí nguyên vật liệu đầu vào và chi phí vận chuyển hàng hóa tăng cao,...

Theo Tổng cục thống kê, CPI bình quân năm 2021 tăng 1,84% so với bình quân năm 2020.

TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA VIỆT NAM TỪ NĂM 2016-2021



TỐC ĐỘ TĂNG CPI CỦA CÁC NĂM TỪ NĂM 2016-2021 (%)





BÁO CÁO CỦA

BAN BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

TỔNG QUAN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm qua của QNS gặp rất nhiều khó khăn, thách thức. Nhưng với sự nhạy bén của Ban lãnh Công ty đã điều hành linh hoạt, thích ứng an toàn, chủ động ứng phó dịch bệnh và sự đoàn kết của tập thể người lao động nên quá trình sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn, sản phẩm được cung cấp ra thị trường đầy đủ và kịp thời; giữ được thị trường trong nước và mở rộng các thị trường xuất khẩu.

Kết quả kinh doanh năm 2021 của Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua.

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực	Kế	Thực	Tỷ lệ (%)	
	hiện năm 2020	hoạch năm 2021	hiện năm 2021	So với TH 2020	So với KH 2021
Vốn điều lệ	3.569	3.569	3.569	100%	100%
Tổng doanh thu	6.702	8.000	7.570	113%	95%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	1.266	1.100	1.439	114%	131%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.053	913	1.254	119%	137%

- Tổng doanh thu các hoạt động đạt 7.570 tỷ đồng, tăng 13% so với năm 2020. Trong đó, đường và sữa là hai hoạt động kinh doanh cốt lõi đóng góp lớn trong tổng doanh thu của toàn Công ty.
- Sữa đậu nành tiếp tục dẫn đầu ngành năm 2021 chiếm 90% thị phần sữa đậu nành hộp giấy tại Việt Nam và sản lượng đường mía sản xuất chiếm 14% tổng sản lượng đường sản xuất cả nước vụ 2020/2021.
- Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2021 đạt 1.439 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2020 và tăng 31% so với kế hoạch.
- Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 đạt 1.254 tỷ đồng, tăng 19% so với năm 2020 và tăng 37% so với kế hoạch.
- Tổng tài sản đến 31/12/2021 đạt 9.876 tỷ đồng, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm 2020.

Các dự án lớn như DA Nâng công suất NMĐ An Khê lên 18.000 TMN và NM Điện Sinh khối An Khê đã đi vào hoạt động ổn định. Dự án dây chuyền sản xuất đường tinh luyện RE công suất 1.000 tấn đường/ngày đã đi vào hoạt động thương mại.





BÁO CÁO CỦA BAN BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

GIÁ TRỊ TỔNG TÀI SẢN TẠI
31/12/2021

9.876 TỶ ĐỒNG

TỔNG DOANH THU 2021

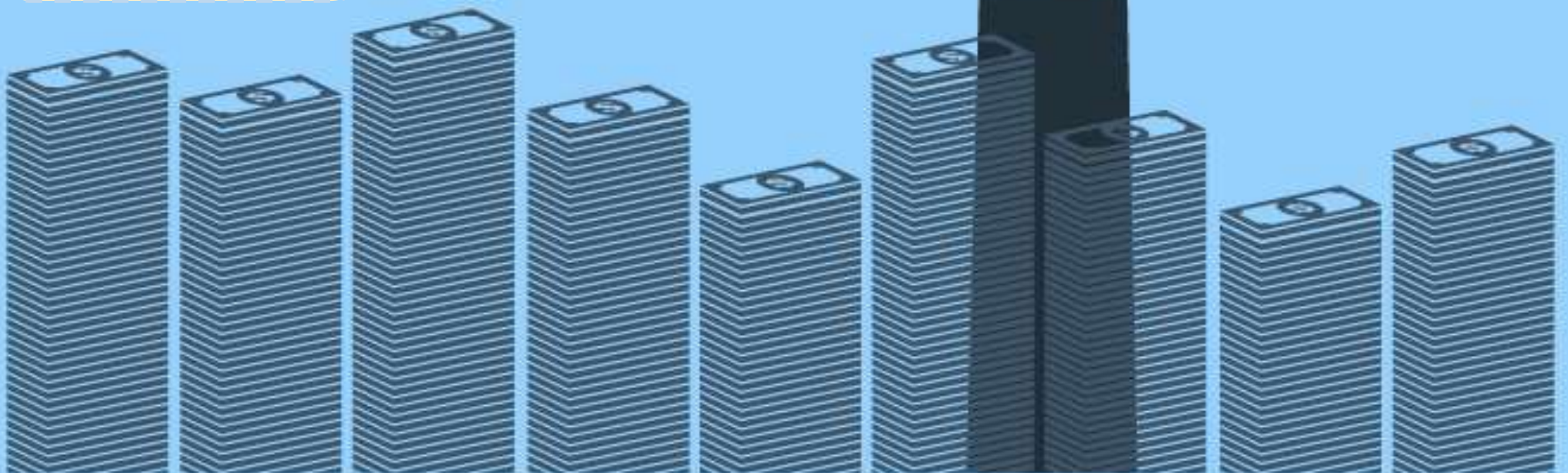
7.570 TỶ ĐỒNG

VỐN ĐIỀU LỆ TẠI
31/12/2021

3.569 TỶ ĐỒNG

TỔNG LN SAU THUẾ 2021

1.254 TỶ ĐỒNG

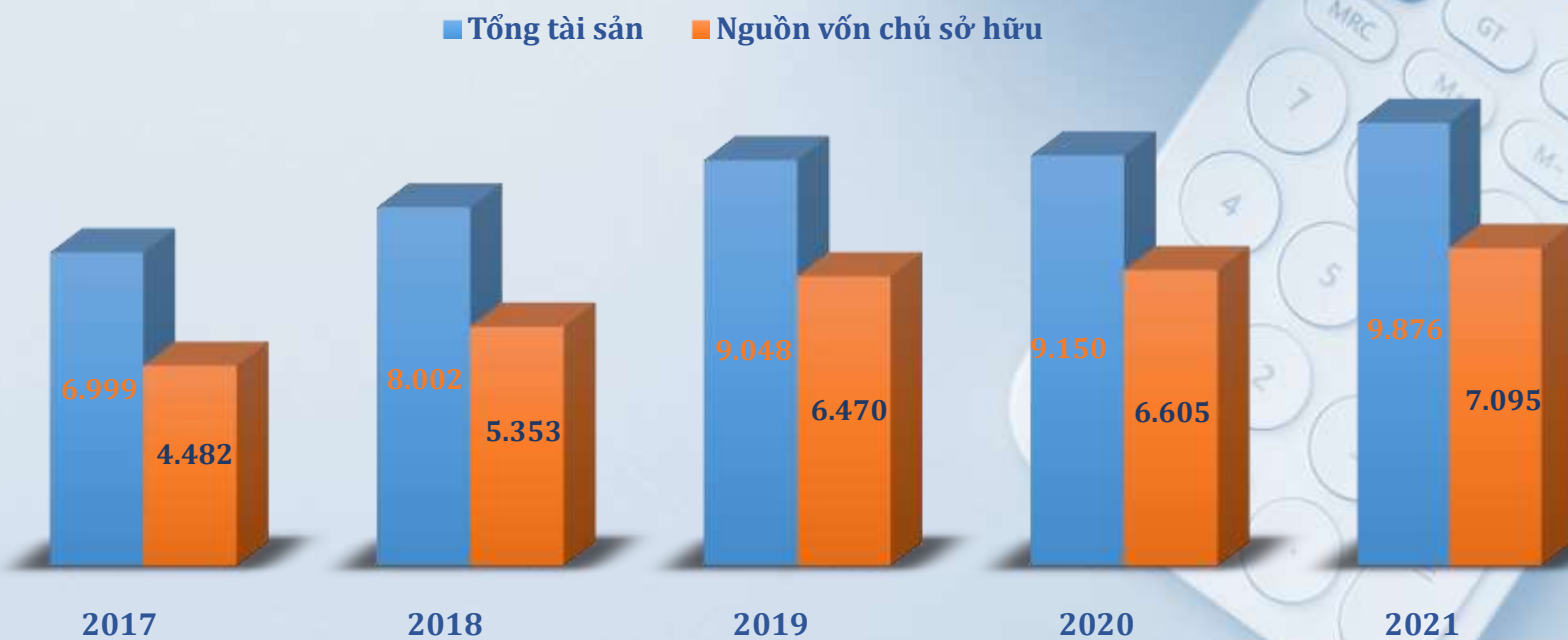
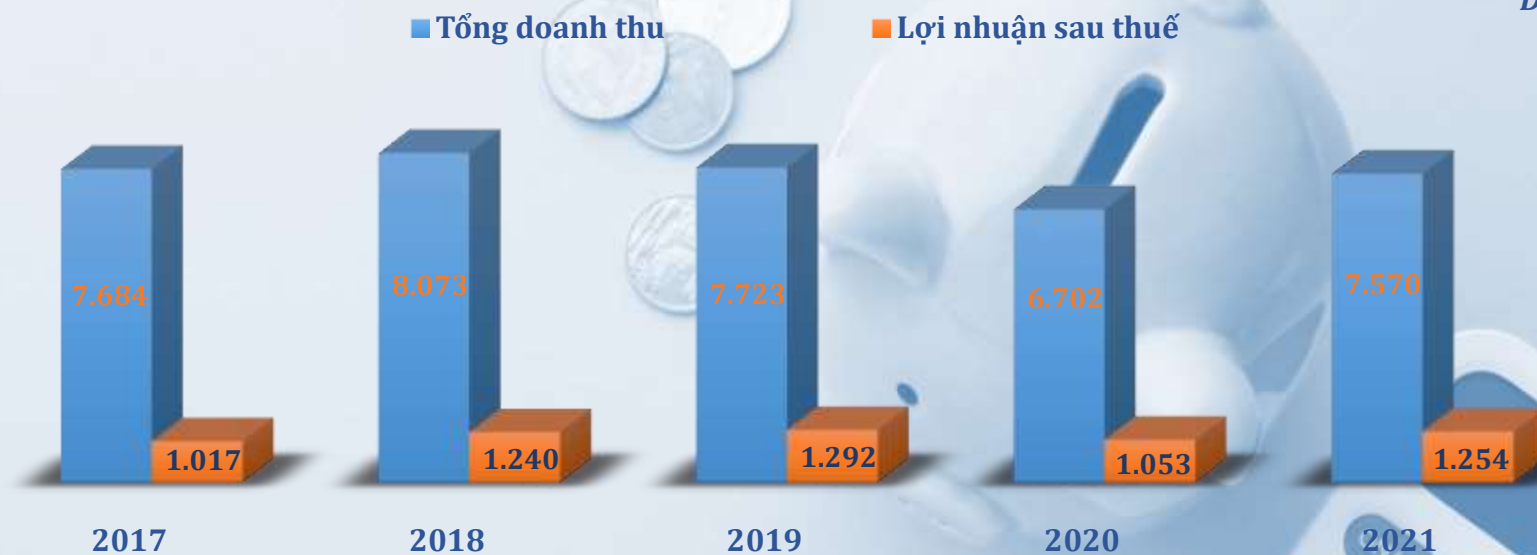


MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	(Đơn vị: Tỷ đồng)		
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	2020	2021	% tăng, giảm
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.522	7.374	13%
Doanh thu thuần	6.490	7.335	13%
Giá vốn hàng bán	4.438	5.073	14%
Lợi nhuận gộp	2.051	2.262	10%
Doanh thu hoạt động tài chính	142	143	1%
Chi phí tài chính	72	66	-8%
Chi phí bán hàng	654	694	6%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	234	253	8%
Lợi nhuận khác	33	47	42%
Lợi nhuận trước thuế	1.266	1.439	14%
Lợi nhuận sau thuế	1.053	1.254	19%
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tại ngày 31/12)	2020	2021	% tăng, giảm
Tổng tài sản/nguồn vốn	9.150	9.876	8%
Tài sản ngắn hạn	4.188	5.323	27%
Tài sản dài hạn	4.963	4.552	-8%
Hàng tồn kho	844	816	-3%
Nợ phải trả	2.545	2.710	6%
Vốn chủ sở hữu	6.605	7.095	7%
CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN	2020	2021	% tăng, giảm
Các chỉ số về khả năng thanh toán (lần)			
Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	3,60	3,64	1%
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	3,26	3,34	2%
Các chỉ số về cơ cấu vốn (lần)			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,28	0,27	-1%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,39	0,38	-1%
Các chỉ số về hiệu quả hoạt động (lần)			
Vòng quay hàng tồn kho	5,26	6,11	16%
Doanh thu thuần/BQ Tổng TS	0,71	0,77	9%
Các chỉ số về khả năng sinh lời			
ROS	16,2%	17,1%	5%
ROE	15,9%	17,7%	11%
ROA	11,5%	12,7%	10%

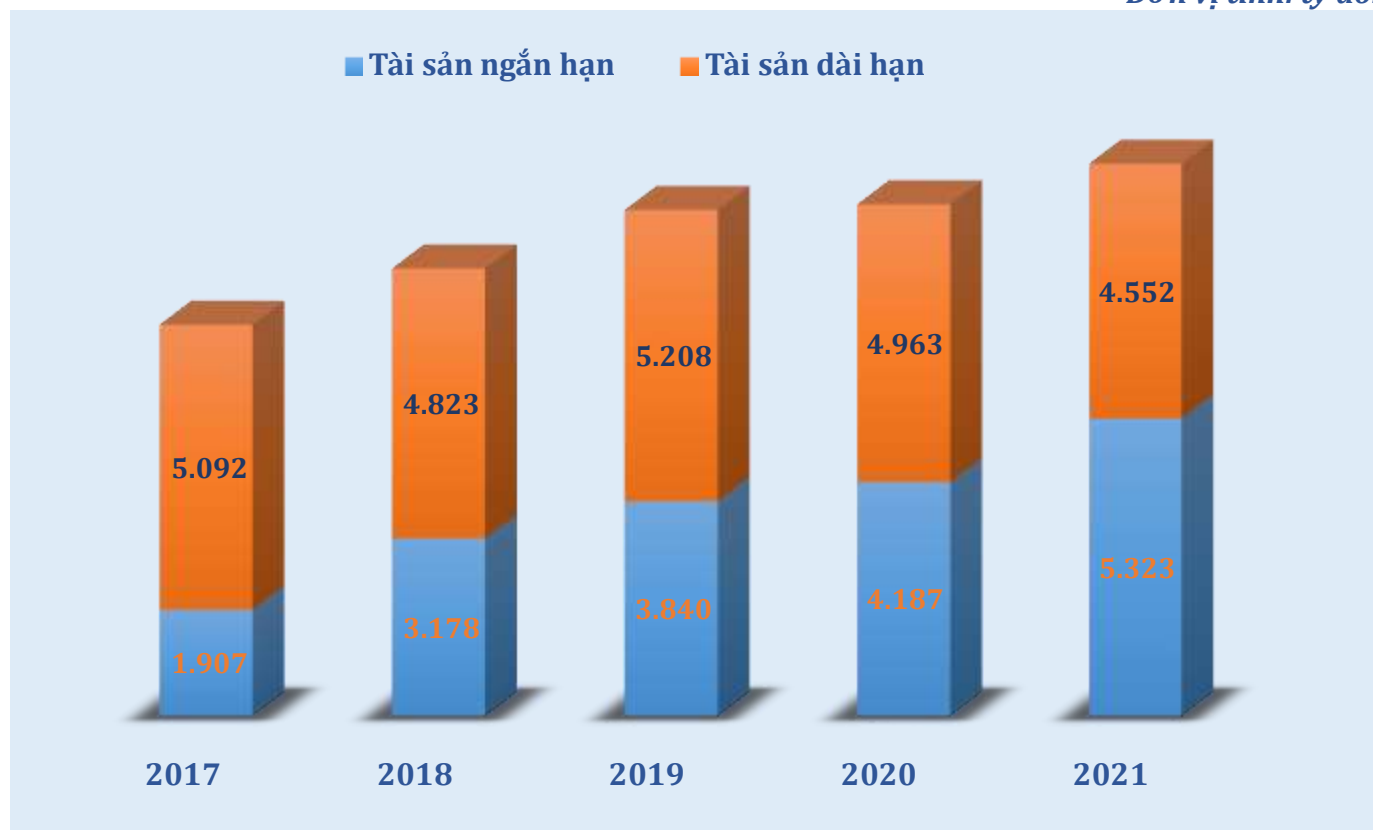
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 5 NĂM (TỪ 2017-2021)

Đơn vị tính: tỷ đồng



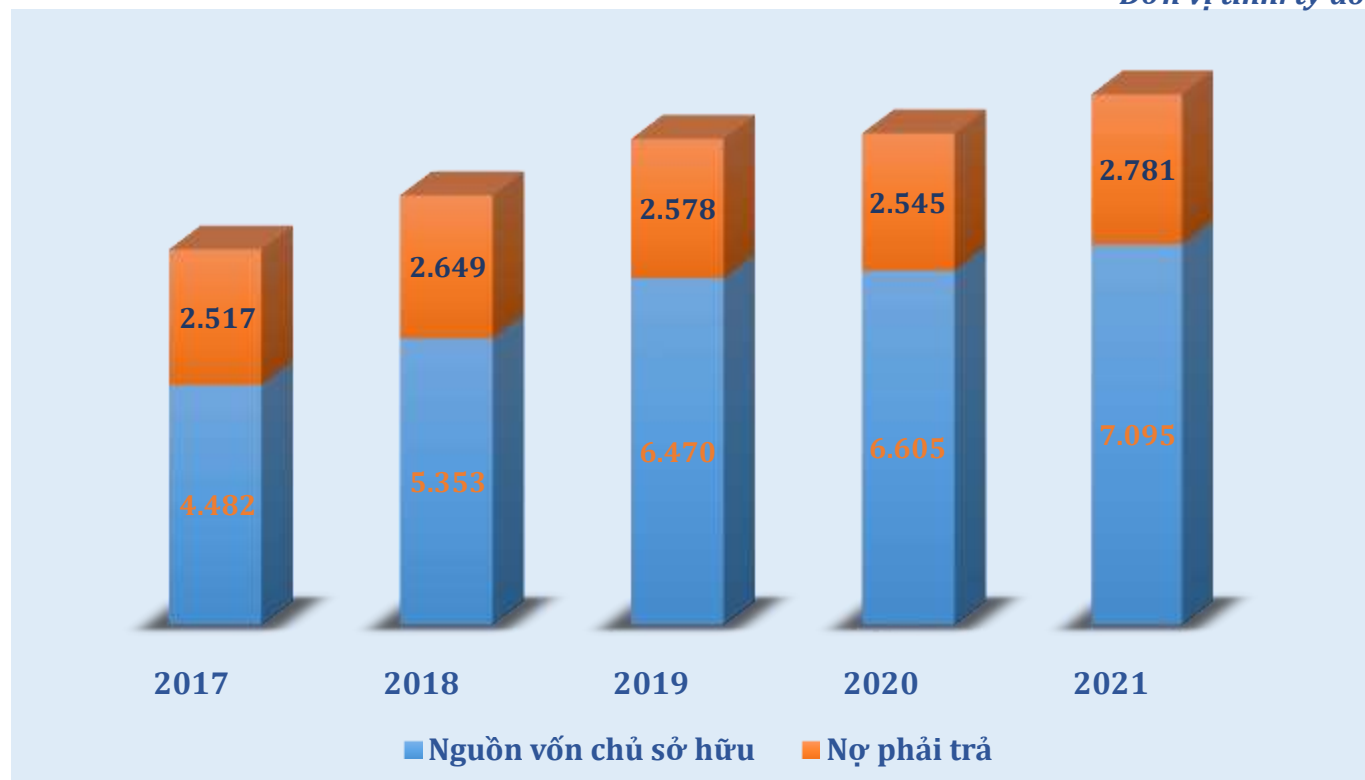
CƠ CẤU TÀI SẢN TẠI 31/12 TRONG 05 NĂM GẦN NHẤT

Đơn vị tính: tỷ đồng



CƠ CẤU NGUỒN VỐN TẠI 31/12 TRONG 05 NĂM GẦN NHẤT

Đơn vị tính: tỷ đồng





BÁO CÁO CỦA BAN BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

TOP 5

NHÀ SẢN XUẤT ĐẬU NÀNH
LỚN NHẤT THẾ GIỚI

390 TRIỆU LÍT

TỔNG CÔNG SUẤT
NHÀ MÁY SỮA

270 TRIỆU LÍT

SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ
NĂM 2021

MÔI

90% THỊ PHẦN

SỮA ĐẬU NÀNH BAO BÌ
TẠI VIỆT NAM



HOẠT ĐỘNG SXKD SỮA ĐẬU NÀNH

Sản lượng tiêu thụ sữa đậu nành Vinasoy năm 2021 đạt 270 triệu lít, tăng 8% so với năm 2020.

TẠI THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

Năm 2021, ngành hàng FMCG tăng trưởng âm (-4,8%), song ngành hàng sữa & các sản phẩm từ sữa lại có sự tăng trưởng nhẹ (1,2%). Tuy nhiên, riêng ngành hàng sữa đậu nành lại giảm (-4,1%).

Theo báo cáo của Nielsen Vietnam, sản phẩm sữa đậu nành Vinasoy tiếp tục chiếm giữ 90% thị phần sữa đậu nành hộp giấy tại Việt Nam; riêng tháng 8/2021 thị phần của Vinasoy đạt đến 92,2% thị phần sữa đậu nành bao bì hộp giấy tại Việt Nam.

Với chiến lược đa dạng hóa sản phẩm, năm 2021, Vinasoy tung 6 sản phẩm sữa đậu nành với nhiều hương vị đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng, đóng góp đến 39% vào sản lượng tăng trưởng trong năm 2021.

Thị trường của Vinasoy rộng khắp cả nước, đi đầu ngành hàng trong việc triển khai giải pháp “Bản Đồ Bảo Phủ”, đặc biệt phát huy hiệu quả trong tình hình dịch bệnh.

TẠI THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU.

Năm 2021, thị trường xuất khẩu của Vinasoy được mở rộng. Sản phẩm của Vinasoy phủ sóng hơn 1000 cửa hàng tại Châu Á, chủ yếu ở: Nhật Bản và Trung Quốc (thuộc top các nước tiêu thụ đậu nành lớn nhất thế giới); có mặt ở hơn 200 siêu thị, cửa hàng tại nhiều bang của Mỹ và đang xuất khẩu qua Hàn Quốc.

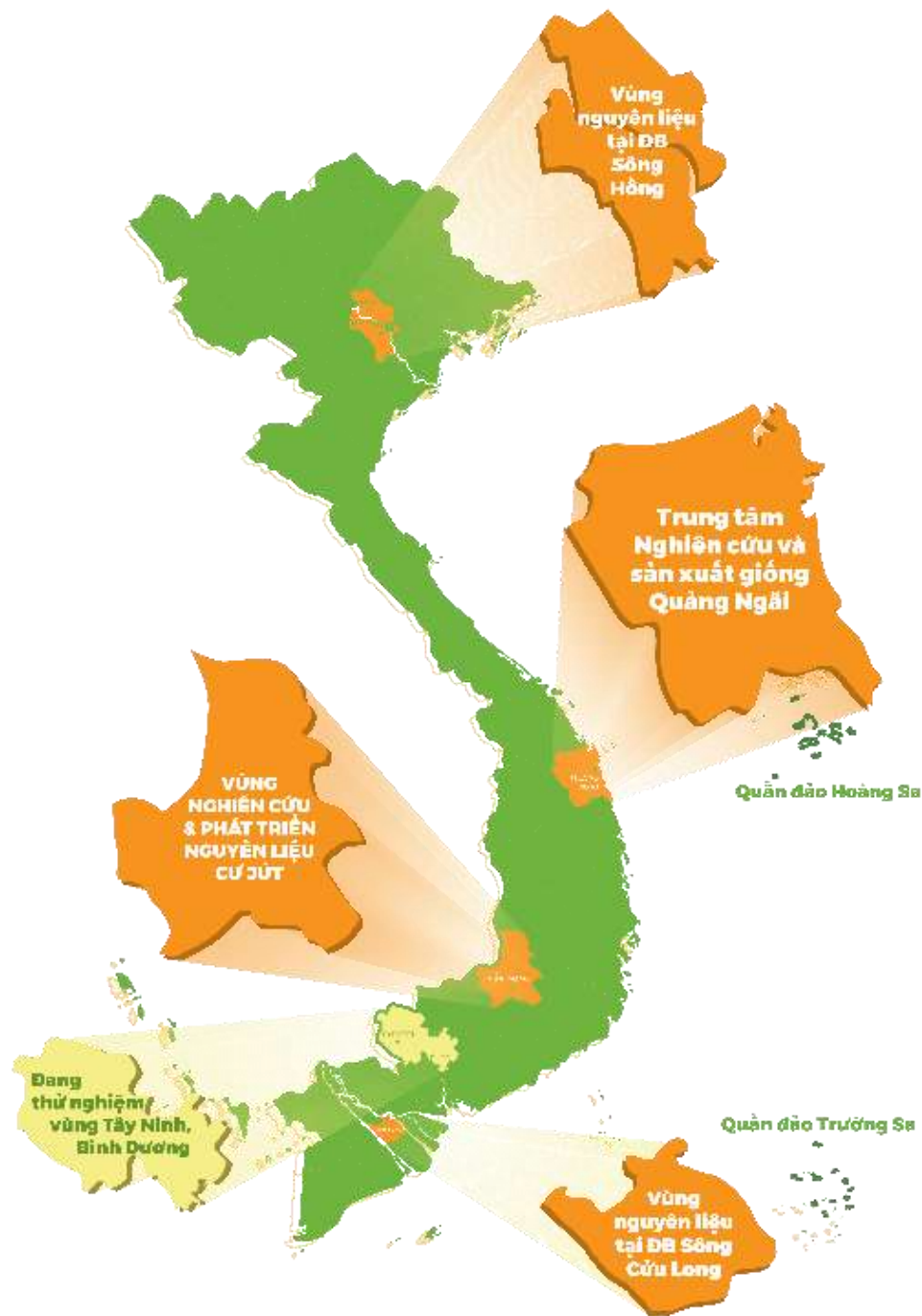


- Phủ sóng hơn **1000** cửa hàng tại Châu Á, chủ yếu ở  Nhật Bản  Trung Quốc (thuộc **top các nước** tiêu thụ đậu nành lớn nhất thế giới)
- “Lên kệ” hơn **200** Siêu thị, cửa hàng  Mỹ (trải dài **nhiều bang**)
- Trên đường xuất khẩu sang  Hàn Quốc



Những năm qua, với những nỗ lực của công ty, thương hiệu Vinasoy luôn được người tiêu dùng đánh giá cao và lựa chọn. Theo báo cáo Brand Foodprint 2021 (Dấu chân thương hiệu) của Kantar Worldpanel, Vinasoy tiếp tục nằm trong top 10 nhà sản xuất được chọn mua nhiều nhất ở nông thôn Việt Nam; đồng thời, thương hiệu Fami giữ vững vị trí số 2 ở khu vực nông thôn, vị trí thứ 7 ở khu vực thành thị trong ngành hàng sữa và sản phẩm thay thế sữa.

Theo thống kê của Kantar Worldpanel, đây là năm thứ 6 liên tiếp Fami nằm trong Top 10 ở cả thành thị và nông thôn, và cũng là nhãn hàng sữa đậm nành duy nhất góp mặt trong danh sách này. Ở khu vực nông thôn, Fami giữ vững vị trí thứ 2 từ năm 2013 đến nay, trong khi đó ở khu vực thành thị, Fami có sự tăng tốc nhanh chóng từ vị trí thứ 14 lên vị trí thứ 7 chỉ trong vòng 6 năm.



Hoạt động nghiên cứu phát triển vùng nguyên liệu đậu nành

- Thử nghiệm thành công các vùng nguyên liệu: Miền Trung, Tây Nguyên, Đồng bằng Sông Hồng, Đồng bằng Sông Cửu Long, Tây Ninh, Bình Phước
- Được phép lưu hành giống đậu nành VINASOY 02-NS tại Miền Trung, Tây Nguyên, Đồng bằng Sông Cửu Long & Đồng bằng Sông Hồng.
- Áp dụng thành công máy gặt đậu nành Kubota tại các vùng nguyên liệu.



Thử nghiệm máy gặt



Vùng giống Quảng Ngãi



Vùng nguyên liệu tại Hà Nội



Vùng nguyên liệu tại Đắk Nông



Đậu nành Vinasoy trên đất lúa tại Vĩnh Long



Hạt giống đậu nành vốn được xem là “Gót chân Asin” của ngành sữa đậu nành vì ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm sữa. Vì vậy, vị thế của Vinasoy được xác định là dựa vào khả năng kiểm soát chặt chẽ 100% nguồn nguyên liệu có nguồn gốc rõ ràng và hoàn toàn không biến đổi gen với cả nguồn đậu nành mà công ty đang sử dụng.

Một bước đi xa hơn của Vinasoy hướng đến việc làm chủ nguyên liệu trong tương lai chính là áp dụng công nghệ cao để tạo những giống đậu nành mới không biến đổi gen, năng suất cao, dinh dưỡng và hương vị tự nhiên. Tầm nhìn này được thực hiện từ năm 2013 bằng trung tâm nghiên cứu giống đậu nành, hợp tác vùng trồng nguyên liệu với nông dân, hiện sở hữu 1.588 nguồn gen quý hạt đậu nành trong và ngoài nước.

Hiểu rõ về gen trong đậu nành giúp Vinasoy lai tạo được những giống đậu nành có năng suất vượt trội. Không chỉ vậy, những giống đậu nành mới này còn có những chất dinh dưỡng quý cho sức khỏe con người như omega 3, omega 6... Cái “gốc” này cho phép Vinasoy mở rộng thêm nhiều danh mục sản phẩm khác nhau. Đồng thời tạo ra sự khác biệt, cũng chính là lợi thế cạnh tranh cho Vinasoy.

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI



THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

ĐƯỜNG AN KHÊ

AK SUGAR



NM ĐƯỜNG AN KHÊ
CÔNG SUẤT

18.000 TMN

DÂY CHUYỀN
ĐƯỜNG TINH LUYỆN RE

1.000 TẤN

SẢN LƯỢNG MÍA
VỤ 2020-2021

950.000 TẤN

SẢN LƯỢNG ĐƯỜNG MÍA
VỤ 2020-2021

100.000 TẤN

SẢN LƯỢNG ĐƯỜNG RE

25.000 TẤN

HOẠT ĐỘNG SXKD MÍA ĐƯỜNG

TÌNH HÌNH CHUNG CỦA NGÀNH MÍA ĐƯỜNG VIỆT NAM

Theo Tổ chức đường Thế giới (ISO), sản lượng đường thế giới vụ 2020-2021 đạt 169 triệu tấn. Trong khi đó tiêu thụ toàn cầu đạt mức 174,6 triệu tấn, tăng 2,1% so với lượng tiêu thụ vụ trước. Điều này dẫn đến mức thâm hụt lên đến 4,8 triệu tấn. Do tình trạng thiếu hụt đường nên giá đường thế giới năm qua có xu hướng tăng.

Theo Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất ngành mía đường niên vụ 2020-2021 của Hiệp hội mía đường Việt Nam (VSSA), sản lượng đường sản xuất toàn niên vụ 2020/2021 là 901,23 nghìn tấn, trong đó đường sản xuất từ mía là 689,8 nghìn tấn, còn lại là từ đường thô nhập khẩu (211,4 nghìn tấn), giảm 10,17% so với vụ trước.

Ngày 09/02/2021, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 477/QĐ-BCT về việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp tạm thời đối với sản phẩm đường mía có xuất xứ từ Vương quốc Thái Lan. Đến ngày 15/6/2021, Bộ Công Thương ban hành quyết định số 1578/QĐ-BCT về áp dụng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp chính thức đối với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ Vương quốc Thái Lan. Chính sách này mang đến những tín hiệu tích cực cho ngành mía đường Việt Nam trong năm qua, giảm tác động cạnh tranh không lành mạnh của đường Thái Lan đối với ngành sản xuất trong nước, từ đó giúp giá đường sản xuất trong nước có xu hướng tăng.

TÌNH HÌNH SXKD MÍA ĐƯỜNG CỦA QNS

Hoạt động sản xuất kinh doanh đường của QNS trong năm dần ổn định và mang lại hiệu quả cao nhờ giá đường trong nước tăng và vùng nguyên liệu phục hồi.

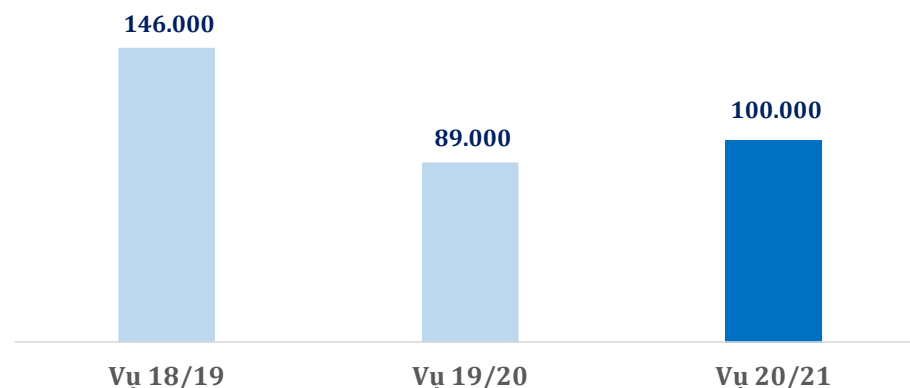
Quản lý và khai thác có hiệu quả Dự án mở rộng nâng công suất Nhà máy Đường An Khê lên 18.000 TMN và Dây chuyền sản xuất đường tinh luyện RE công suất 1.000 tấn đường/ngày. Tháng 7/2021, Dây chuyền sản xuất đường tinh luyện RE đã chính thức hoạt động thương mại. Từng bước phát triển kênh bán lẻ đường túi với các sản phẩm: đường kính trắng, đường tinh luyện và đường vàng mang thương hiệu QNS.

Niên vụ 2020-2021, QNS ép khoảng 950.000 tấn mía và sản xuất khoảng 100.000 tấn đường chiếm khoảng 14% sản lượng đường sản xuất từ mía của cả nước và tăng khoảng 12% so với vụ 2019-2020.

Ngoài đường từ mía, năm 2021, QNS đã sản xuất gần 25.000 tấn đường tinh luyện RE từ đường thô.

Năm 2021, doanh thu hoạt động đường đạt 1.584 tỷ đồng tăng 59,3% và lãi gộp đạt 372 tỷ đồng gấp 11,7 lần so với năm 2020.

SẢN LƯỢNG ĐƯỜNG TỪ MÍA (tấn)



Vùng nguyên liệu mía

Vùng nguyên liệu mía An Khê (Gia Lai) là vùng trồng mía lớn nhất nhì cả nước với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu phù hợp để phát triển cây mía. Để khôi phục và phát triển mảng đường, chiến lược phát triển vùng nguyên liệu mía tiếp tục được đẩy mạnh. Tại đây, Công ty hỗ trợ người nông dân cung cấp giống mía, áp dụng cơ giới hóa trong trồng trọt, thu hoạch, đồng thời bao tiêu đầu ra, tạo hiệu quả kinh tế vượt trội so với cây trồng khác. Những hoạt động này giúp cải thiện đời sống của người dân địa phương và hỗ trợ phát triển ngành nông nghiệp trong nước bền vững.

Thực hiện đồng bộ 3 chương trình cơ bản là “Hóa học hóa – Sinh học hóa - Cơ giới hóa” trong quá trình canh tác mía. Xí nghiệp CGNN An Khê của Cty đã có nhiều cải tiến trong quy trình canh tác đảm bảo phù hợp với điều kiện và nhu cầu thực tế của người trồng mía; đồng thời nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật vào quá trình canh tác cây mía. Cty đã đầu tư hàng trăm máy móc thiết bị cơ giới để thực hiện thi công cơ giới trong vùng nguyên liệu mía. Hiện nay, Cty có hơn 600 máy kéo và hơn 1.000 thiết bị nông nghiệp khác cho tất cả các khâu từ Làm đất – Trồng – Chăm sóc – Thu hoạch; ứng dụng thành công công nghệ dẫn hướng lái tự động.

QNS tin rằng mảng đường sẽ mang đến đột phá cho công ty trong thời gian đến.



HOẠT ĐỘNG ĐIỆN SINH KHỐI

NM ĐIỆN SINH KHỐI
CÔNG SUẤT

95 MW

TỔNG SẢN LƯỢNG ĐIỆN
NĂM 2021

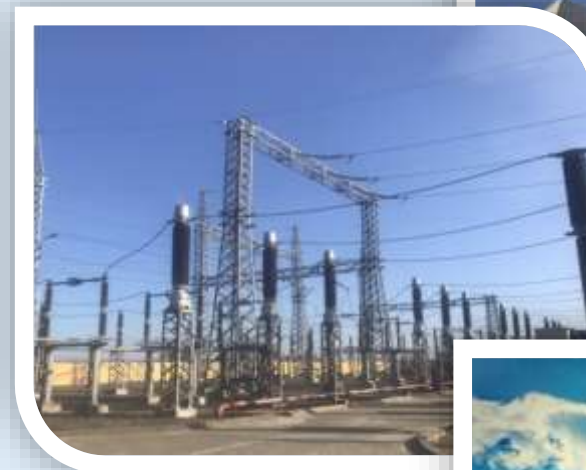
151 TRIỆU KWH

NM Điện Sinh Khối đặt tại xã Thành An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai là công trình sản xuất năng lượng sạch, an toàn, thân thiện với môi trường. Nguyên liệu đốt là bã mía thừa được tận dụng sau khi ép đường. Năng lượng tạo ra quay lại cung cấp cho dây chuyền ép mía, ngoài ra cũng phát lên điện lưới hòa vào lưới điện quốc gia.

Tổng sản lượng điện tiêu thụ trong năm hơn 151 triệu Kwh tăng hơn 60% so với năm 2020.

Giá điện hiện nay được mua với mức 7,03 Uscents/kWh đối với các dự án đồng phát nhiệt – điện và 8,47 Uscents/kWh đối với các dự án không phải là dự án đồng phát nhiệt – điện.

Hoạt động sản xuất điện của Công ty được phát huy theo hướng phát triển năng lượng tái tạo. Ngoài tận dụng bã mía sau quá trình sản xuất đường, Công ty còn sử dụng các nguồn sinh khối khác như dăm gỗ, mùn cưa,...ở vùng Tây Nguyên để sản xuất điện ngoài vụ, tiếp tục phát huy tối đa hiệu quả mảng điện.



HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CÁC SẢN PHẨM KHÁC

Các mảng khác như bia, nước khoáng, bánh kẹo,...bị ảnh hưởng bởi những khó khăn chung của tình hình kinh tế Việt Nam do dịch bệnh Covid-19 kéo dài, giãn cách xã hội nên sản lượng, doanh thu và lợi nhuận đều giảm. Tuy nhiên, Công ty luôn tìm kiếm những cơ hội mới để phát triển các mảng.

NM NƯỚC KHOÁNG THẠCH BÍCH
CÔNG SUẤT

150 TRIỆU LÍT/NĂM

NƯỚC KHOÁNG THẠCH BÍCH

Nguồn khoáng nóng Thạch Bích: Nguồn nước khoáng nằm ở phía Tây Quảng Ngãi, ở độ sâu 1.200m trong lòng đất, từ hàng triệu năm kiến tạo địa chất, phun trào lên nguồn nước khoáng Thạch Bích như một món quà thanh khiết mà thiên nhiên ban tặng cho con người.

Năm 2021, sản phẩm nước khoáng đã có mặt tại thị trường miền Nam thông qua hệ thống phân phối của VINASOY.



NM BIA DUNG QUẤT
CÔNG SUẤT

100 TRIỆU LÍT/NĂM

BIA DUNG QUẤT

Chính thức có mặt trên thị trường vào nửa cuối năm 1993, bia Dung Quất đã không ngừng tăng trưởng và khẳng định được thương hiệu trên thị trường. Với công nghệ sản xuất của hãng bia Branik nổi tiếng Tiệp Khắc, bia Dung Quất được biết đến với hương vị rất riêng, màu vàng óng ả tạo nên từ nguyên liệu được tuyển chọn kỹ càng như malt đại mạch, ngũ cốc, hoa bia houblon..



NM BÁNH KẸO
CÔNG SUẤT

12.000 TẤN/NĂM

BÁNH KẸO BISCAFUN

Thành lập từ năm 1994, trải qua gần 30 năm có mặt trên thị trường, BISCAFUN đặt sứ mệnh mang niềm vui, hạnh phúc và sự sẻ chia cảm xúc, đậm hương vị ngọt ngào đến với mọi người, mọi nhà một cách thật tự nhiên, gần gũi và thân thiện, như một phần cuộc sống của mọi gia đình.





BÁO CÁO CỦA BAN BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ



Đối với chính sách cho người lao động Công ty luôn đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. QNS thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của pháp luật. Việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ, trang bị quần áo, BHLĐ, bồi dưỡng độc hại của Công ty luôn được thực hiện thường xuyên, kịp thời và đúng quy định.



Hoàn thiện và điều chỉnh cơ cấu tổ chức, quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình quản lý. QNS tiếp tục duy trì và củng cố hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000, HACCP, đồng thời công tác đánh giá chất lượng nội bộ theo quy chuẩn ISO được thực hiện một cách chặt chẽ.



QNS tiếp tục thực hiện áp dụng Quy chế 5S (Sàng lọc – Sắp xếp – Sạch sẽ - Sẵn sóc – Sẵn sàng) nhằm tăng cường xây dựng ý thức cải tiến cho người lao động tại nơi làm việc, xây dựng tinh thần đoàn kết và phát triển vai trò lãnh đạo của Ban lãnh đạo và xây dựng cơ sở để đưa vào kỹ thuật cải tiến.



BÁO CÁO CỦA BAN BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ



TUYỂN DỤNG VÀ ĐÀO TẠO

Nền tảng của một doanh nghiệp luôn là một đội ngũ nhân sự vững mạnh có năng lực và chuyên môn.

Những năm qua Công ty đã xây dựng một quy trình tuyển dụng nhân sự đáp ứng nguồn nhân lực được tiêu chuẩn đảm bảo về chất lượng và phù hợp với nhu cầu.

Đồng thời, Công ty cũng đã xây dựng các chính sách khuyến khích và tạo tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động có cơ hội phát triển toàn diện cả về năng lực chuyên môn và các kỹ năng mềm cần thiết. Điều này được thể hiện thông qua việc Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa huấn luyện, đào tạo về nghiệp vụ quản lý, kinh doanh và kỹ thuật; có chính sách đào tạo tại chỗ đối với người lao động nhằm nâng cao tay nghề... Trong năm, Công ty đã tổ chức nhiều lớp đào tạo tại Công ty và gửi đi đào tạo nhằm nâng cao chuyên môn cho lao động.

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG : GẦN 4.100 NGƯỜI

Nguồn nhân lực là một trong những tài sản quý giá nhất và là một trong những yếu tố quan trọng có đóng góp to lớn cho sự phát triển của Công ty.

CHÍNH SÁCH VỀ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ ĐÃI NGỘ

Người lao động của Công ty được hưởng các chế độ chính sách về lao động và tiền lương theo Thỏa ước lao động tập thể và theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, Công ty xây dựng chính sách khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có sáng kiến góp phần gia tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như các hình thức xử phạt đối với các cá nhân, tập thể vi phạm thỏa ước lao động tập thể, nội quy và điều lệ công ty gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động SXKD của Cty.

Thu nhập bình quân của người lao động năm 2021 là **11.7** triệu đồng/người_tháng.

Đặc biệt, Công ty cũng có chính sách phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) nhằm thu hút và khuyến khích, tạo động lực, nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của người lao động.

BẢO HỘ LAO ĐỘNG VÀ ATVS LAO ĐỘNG

Công ty luôn chú trọng đến công tác an toàn lao động, thường xuyên tổ chức các đợt tập huấn cho người lao động và thực hiện các đợt kiểm tra đánh giá công tác an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy. Trong năm, Công ty đã thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ bảo hộ lao động và an toàn vệ sinh lao động, mua sắm và trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động với số tiền trên **4,3** tỷ đồng.

CHĂM SÓC SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Hàng năm, công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động luôn được thực hiện. Bộ phận y tế của Công ty đã làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho **2.911** người lao động, khám và điều trị ngoại trú cho **2.304** trường hợp.

Công ty cũng phối hợp chính quyền địa phương thực hiện tiêm vắc xin Covid-19 kịp thời cho người lao động. Tới nay 100% người lao động tiêm 2 mũi, 90% tiêm 3 mũi.

THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM

Công ty đã trích nộp đầy đủ và giải quyết kịp thời các chế độ bảo hiểm cho người lao động. Trong năm, Công ty đã đóng bảo hiểm cho người lao động với tổng tiền là gần 90,6 tỷ đồng.

CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI KHÁC

Ngoài những chính sách trên, Trong năm, Công ty cũng đã sử dụng các Quỹ nội bộ chi hơn 12 tỷ đồng để chăm lo cho đời sống của người lao động như: tổ chức thăm hỏi, trợ cấp cho NLĐ có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập thấp 5.722 lượt; hỗ trợ làm 15 nhà mới, sửa chữa 15 nhà mới cho 30 trường hợp người lao động có hoàn cảnh khó khăn,...



2.304 trường hợp khám sức khỏe định kỳ
1.226 trường hợp điều trị ngoại trú



4,3 tỷ đồng chi mua sắm trang bị bảo hộ lao động



90,6 tỷ đồng nộp tiền bảo hiểm các loại cho người lao động



BÁO CÁO CỦA

BAN BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN LỚN



DỰ ÁN NM ĐIỆN SINH KHỐI AN KHÊ

Địa chỉ: Xã Thành An, TX An Khê, Gia Lai

Tổng vốn đầu tư dự kiến gần 2.092 tỷ đồng (có VAT)

Công suất thiết kế: 95MW

Tiến độ: Đã phát điện lên điện lưới quốc gia. Năm 2020, bổ sung hạng mục đầu tư "Hệ thống máy nghiền nhiên liệu đốt lò" vào dự án Nhà máy Điện sinh khối An Khê.

Tổng số tiền đã đầu tư cho Dự án đến thời điểm 31/12/2021 là trên 1.885 tỷ đồng.



DỰ ÁN ĐTMR NÂNG CÔNG SUẤT NM ĐƯỜNG AN KHÊ TỪ 10.000 TMN LÊN 18.000 TMN

Địa chỉ: Xã Thành An, TX An Khê, Gia Lai

Tổng vốn đầu tư dự kiến gần 1.813 tỷ đồng (có VAT)

Công suất thiết kế: 18.000 TMN.

Tiến độ: Đã sản xuất.

Tổng số tiền đã đầu tư cho Dự án đến thời điểm 31/12/2021 là gần 1.746 tỷ đồng.



DỰ ÁN ĐẦU TƯ DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT ĐƯỜNG TINH LUYỆN RE CÔNG SUẤT 1.000 TẤN ĐƯỜNG/NGÀY

Địa chỉ: Xã Thành An, TX An Khê, Gia Lai

Tổng vốn đầu tư dự kiến: 1.100 tỷ (có VAT)

Công suất thiết kế: 1.000 tấn đường/ngày.

Tiến độ: Đã sản xuất thử. Tổng số tiền đã đầu tư cho Dự án đến thời điểm 31/12/2021 là trên 958 tỷ đồng.



BÁO CÁO CỦA BAN BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

CÔNG TY CON

CÔNG TY TNHH MTV TM THÀNH PHÁT

Địa chỉ: 02 Nguyễn Chí Thanh, P. Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi

Ngành nghề kinh doanh: Thương mại

Vốn điều lệ: 800.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 100%

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2020	2021	%+/-
1	Tổng giá trị tài sản (31/12)	1.008.035	957.628	95%
2	Vốn điều lệ (31/12)	800.000	800.000	100%
3	Doanh thu bán hàng & CCDV	1.058.553	1.182.969	112%
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	168.822	140.026	83%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	168.365	139.735	83%





BÁO CÁO CỦA

BAN BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

QNS VÀ MÔI TRƯỜNG

Những năm qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn gắn liền với các hành động cụ thể để đảm bảo tốt nhất trách nhiệm với môi trường, xã hội và cộng đồng.

Công ty xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất - kinh doanh gắn liền các cam kết và chính sách về bảo vệ môi trường với những định hướng và việc làm cụ thể sau:

- Công ty không ngừng đầu tư, đổi mới dây chuyền sản xuất, hệ thống máy móc thiết bị hiện đại, đạt chuẩn quốc tế, thân thiện với môi trường nhằm nâng cao năng lực sản xuất, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên và hạn chế ảnh hưởng đến môi trường.
- Áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến, các giải pháp tiết kiệm nguyên - nhiên vật liệu, năng lượng trong sản xuất.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, chủ động phòng ngừa, giảm thiểu tác động xấu tới môi trường, khắc phục sự cố, xử lý ô nhiễm, phục hồi và cải thiện môi trường.
- Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân viên và người lao động. Liên tiếp nhiều năm, Công ty được Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ngãi xác nhận thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.
- Trung Tâm Môi trường và Nước sạch cung cấp nước sạch và xử lý nước thải với công suất 3.000 m³/ngày đêm, hệ thống xử lý khói của Phân xưởng sản xuất hơi đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường theo quy định.



“Bảo đảm trách nhiệm với môi trường, xã hội và cộng đồng chính là bảo đảm cho sự phát triển bền vững.”

Đối với các đơn vị có lò hơi với công suất >20 tấn hơi/giờ, lưu lượng nước thải >1.000 m³/ngày đêm, Công ty lắp đặt Trạm quan trắc khí thải và nước thải online; đến thời điểm hiện nay Công ty triển khai lắp đặt cho 03 Trạm quan trắc khí thải lò hơi tại Nhà máy đường An Khê và Nhà máy Điện sinh khối An Khê, 01 trạm nước thải online cho Nhà máy Đường an Khê với mức đầu tư gần 10 tỷ đồng. Tần suất truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường Gia Lai, đồng thời có thể được truy cập trên Smartphone. Nhờ đó, Công ty kiểm soát toàn bộ chất lượng nguồn khí thải và nước thải của các Nhà máy trước khi xả thải ra môi trường; đồng thời, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường cũng như người dân theo dõi, giám sát việc bảo vệ môi trường của Công ty.

Nhà máy điện sinh khối An Khê sử dụng nhiên liệu từ các nguồn sinh khối: Bã mía, bã cà phê, mùn cưa, trấu...để sản xuất điện, giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường và cung cấp điện lên lưới điện Quốc gia - góp phần đáp ứng sự tăng trưởng phụ tải hằng năm của tỉnh Gia Lai.

Ngoài ra, các đơn vị trực thuộc Công ty còn đầu tư thiết bị để kiểm soát các thông số môi trường như pH, nhiệt độ, lưu lượng, COD, BOD, nhiệt độ, coliform, clo dư, các chỉ tiêu kim loại nặng,... để kiểm soát, chủ động xử lý nguồn nước thải đảm bảo các quy chuẩn môi trường theo quy định trước khi đưa vào hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp.

Công ty khuyến khích người lao động có những sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nhằm hợp lý hóa trong SXKD, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên,... bằng nhiều hình thức như: khen thưởng, nâng lương,... và có cả các hình thức xử lý đối với những hành vi cố tình gây lãng phí trong sản xuất kinh doanh. Có rất nhiều giải pháp, sáng kiến đã được người lao động trong Công ty thực hiện, không chỉ mang lại lợi ích kinh tế cho Công ty mà còn có ý nghĩa rất lớn đối với công tác bảo vệ môi trường.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Một số nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm:

Mía : 950.000 tấn

Đậu nành : 18.000 tấn

Malt : 5,1 triệu tấn

Vỏ lon bia : 11,8 triệu cái

Nắp chai bia : 138 triệu cái





BÁO CÁO CỦA

BAN BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

Năm 2021, Công ty đã huy động CNLĐ đóng góp từ thu nhập và các nguồn khác của Công ty với số tiền trên 15,9 tỷ đồng để ủng hộ các quỹ xã hội, Quỹ vì người nghèo, Quỹ khuyến học của Tỉnh, Quỹ ủng hộ nạn nhân chất độc da cam, ... Tổ chức thăm hỏi và tặng quà các hộ nghèo, gia đình chính sách, xây dựng trao tặng nhà Đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, “Mái ấm công đoàn”, phụng dưỡng thăm hỏi Mẹ Việt Nam Anh hùng; hỗ trợ đồng bào và lực lượng chống dịch Covid-19.



“Hiến máu cứu người, một nghĩa cử cao đẹp”

Hiến máu nhân đạo là hoạt động thường niên được tổ chức tại Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi. Đây là hoạt động thể hiện tinh thần nhân đạo và tính nhân văn của tập thể CNLĐ Công ty, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của CNLĐ Công ty với cuộc sống cộng đồng, sẵn sàng tình nguyện hiến máu cứu người.

Trong năm 2021, phong trào hiến máu nhân đạo đã được đông đảo người lao động Công ty tham gia. Kết quả đã thu được 357 đơn vị máu, góp phần giảm bớt khó khăn của các cơ sở y tế trong Tỉnh do thiếu hụt cơ số máu giai đoạn dịch bệnh Covid-19.

QNS VỚI HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Không chỉ góp phần thúc đẩy lợi ích kinh tế địa phương, Công ty luôn có sự quan tâm đặc biệt dành cho xã hội và cộng đồng.





BÁO CÁO CỦA BAN BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



Quỹ khuyến học sữa đậu nành Việt Nam

Quỹ Khuyến học Sữa đậu nành Việt Nam (Quỹ Khuyến học) được thành lập từ năm 2016 khởi nguồn và lấy cảm hứng từ chương trình nhân đạo “Giáo dục vệ sinh dinh dưỡng học đường” của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ và Hội chữ thập đỏ Hoa Kỳ tài trợ thông qua Trung Ương Hội Chữ Thập Đỏ Việt Nam

Từ khi thành lập đến nay, Quỹ Khuyến học đã luôn nỗ lực không ngừng thực hiện các hoạt động có ý nghĩa và luôn bám sát tôn chỉ, mục đích và chức năng nhiệm vụ như trong điều lệ quỹ, nhằm mang đến nguồn dinh dưỡng lành cho các em học sinh trên cả nước bằng ngân sách mà Quỹ tự huy động được. Ngoài ra, Quỹ Khuyến học cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục về dinh dưỡng và trao học bổng để khuyến khích tinh thần học tập của các em học sinh nghèo hiếu học.

Năm 2021, Quỹ khuyến học Sữa đậu nành Việt Nam đã chi thực hiện chương trình sữa học đường “Dinh dưỡng lành cho trẻ em khôn lớn”, tiếp tục đồng hành cùng các em học sinh với tổng số tiền tài trợ trên **2,6** tỷ đồng.



Chương trình sữa học đường “Dinh dưỡng lành cho trẻ em khôn lớn” 2021

2016
- 2021

> 11,4
Triệu hộp
sữa

> 794.000
trẻ em khó khăn
tại 16 tỉnh thành

Năm
2021

> 587.000
Hộp sữa

> 15.600
trẻ em khó khăn
tại 5 tỉnh thành



Chung tay phòng chống dịch Covid-19

**1 triệu hộp sữa, 20 tấn đường RE
ủng hộ phòng, chống dịch
Covid-19**

**2,5 tỷ đồng
ủng hộ quỹ phòng chống dịch
Covid-19**



Với vai trò, trách nhiệm của mình đối với cộng đồng và xã hội, Công ty luôn tích cực đồng hành cùng Chính phủ và các địa phương trên cả nước trong công tác phòng chống dịch Covid-19. Trong năm 2021, Công ty đã ủng hộ phòng, chống dịch Covid-19 bằng tiền và hiện vật với tổng trị giá trên 7,4 tỷ đồng. Cụ thể:

- Ủng hộ quỹ phòng, chống dịch Covid-19 tỉnh Quảng Ngãi 1,5 tỷ đồng.
- Ủng hộ quỹ phòng, chống dịch Covid-19 tỉnh Bắc Ninh 1 tỷ đồng.
- Ủng hộ 1 triệu hộp sữa đậu nành Fami trị giá 4,2 tỷ đồng cho 12 tỉnh thành phòng chống dịch Covid-19
- Hỗ trợ 20 tấn đường tinh luyện RE cho Nhân dân TP. Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng do dịch Covid-19.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV. HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
1	Ông Trần Ngọc Phương	Chủ tịch HĐQT	23/12/2005	11/11	100%	
2	Ông Võ Thành Đàng	Phó Chủ tịch HĐQT	23/12/2005	11/11	100%	
3	Ông Nguyễn Hữu Tiến	TV. HĐQT	15/04/2011	11/11	100%	
4	Ông Ngô Văn Tụ	TV. HĐQT	15/04/2011	11/11	100%	
5	Ông Đặng Phú Quý	TV. HĐQT	23/12/2005	11/11	100%	
6	Ông Nguyễn Văn Đông	TV. HĐQT độc lập	03/04/2021	7/11	63,6%	Ông Đông là hành viên HĐQT từ ngày 03/4/2021. Từ ngày 03/4/2021 đến ngày 31/12/2021, QNS có 7 cuộc họp HĐQT.

CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	07/NQ-QNS-HĐQT	08/02/2021	- Quyết định ứng cổ tức đợt 02 năm 2020	100%
2	08/NQ-QNS-HĐQT	08/02/2021	- Quyết định nâng lương cho một số cán bộ quản lý của Công ty TNHH MTV TM Thành Phát	100%
3	17/NQ/QNS-HĐQT	11/03/2021	- Thông qua chương trình và các tài liệu để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 biểu quyết và quyết định. - Thông qua dự án đầu tư "Dây chuyền sản xuất bánh Pie 1.000kg/giờ và dây chuyền sản xuất kẹo cứng 500kg/giờ" của Nhà máy Bánh kẹo Biscafun.	100%
4	23/NQ/QNS-HĐQT	30/03/2021	- Chuyển đổi Trung tâm giống mía Quảng Ngãi thành Trung tâm nghiên cứu và phát triển đậu nành Vinasoy	100%
5	24/NQ/QNS-HĐQT	30/03/2021	- Điều chỉnh tài liệu để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 biểu quyết và quyết định - Thông qua hồ sơ các ứng viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2025 - Giới thiệu các ứng viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2025	100%
6	27/NQ-QNS-HĐQT	02/04/2021	- Trình ĐHCĐ thường niên năm 2021 thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty.	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
7	36/NQ/QNS-HĐQT	08/04/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất bầu ông Trần Ngọc Phương giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2025 - Thống nhất bầu ông Võ Thành Đàng giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2025 	100%
8	37/NQ/QNS-HĐQT	08/04/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ nhiệm ông Võ Thành Đàng giữ chức Tổng giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2021-2025 - Bổ nhiệm ông Trần Ngọc Phương giữ chức Phó Tổng giám đốc phụ trách tài chính Công ty nhiệm kỳ 2021-2025 - Bổ nhiệm ông Nguyễn Hữu Tiến giữ chức Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh tế Công ty nhiệm kỳ 2021-2025 - Bổ nhiệm ông Nguyễn Thế Bình giữ chức Kế toán trưởng Công ty nhiệm kỳ 2021-2025 - Bổ nhiệm bà Phạm Thị Tuyết Ánh làm Người phụ trách quản trị Công ty nhiệm kỳ 2021-2025 	100%
9	49/NQ/QNS-HĐQT	19/05/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC quận Hải Châu, Đà Nẵng là đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2021 (Gồm Báo cáo tài chính công ty mẹ, Báo cáo tài chính Công ty TNHH MTV TM Thành Phát và Báo cáo tài chính hợp nhất) 	100%
10	53/NQ/QNS-HĐQT	26/07/2021	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm Sữa chua uống tại Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy 	100%
11	57/NQ/QNS-HĐQT	31/07/2021	<ul style="list-style-type: none"> Tiếp tục ký hợp đồng lao động có thời hạn 01 năm với chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi đối với ông Nguyễn Hữu Tiến. Thời gian từ 01/08/2021 đến 31/07/2022 	100%
12	60/NQ/QNS-HĐQT	05/08/2021	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 bằng tiền 	100%
13	65/NQ-QNS-HĐQT	01/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty tiếp tục sử dụng 21 con dấu là dấu khắc và 27 con dấu là chữ ký số. - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNHH MTV TM Thành Phát. 	100%
14	69/NQ/QNS-HĐQT	31/12/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kế hoạch SXKD năm 2022 - Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022 - Bổ nhiệm chức danh Chủ tịch và Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV TM Thành Phát - Điều chỉnh Dự án đầu tư Dây chuyền sản xuất đường tinh luyện RE 	100%



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

CHI TRẢ CỔ TỨC TRONG NĂM

Cổ tức còn lại năm 2020:

Tỷ lệ cổ tức là 15%, thực hiện chi trả từ tháng 4/2021.

Cổ tức năm 2021:

Ứng đợt 1: Tỷ lệ ứng cổ tức là 5%, thực hiện chi trả từ tháng 9/2021.

Ứng đợt 2: Tỷ lệ ứng cổ tức là 5%, thực hiện chi trả từ tháng 1/2022.



CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Năm 2021, HĐQT Công ty phê duyệt mới 2 dự án với tổng mức đầu tư dự kiến là 173.947 triệu đồng (chưa VAT) :

+ Dự án đầu tư "Dây chuyền sản xuất bánh Pie 1.000kg/giờ và dây chuyền sản xuất kẹo cứng 500kg/giờ" của Nhà máy Bánh kẹo Biscafun với tổng mức đầu tư dự kiến là 151.997 triệu đồng.

+ Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm Sữa chua uống tại Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy với tổng mức đầu tư dự kiến là 21.950 triệu đồng.

- Trong năm, Công ty đã triển khai dự án sản xuất sản phẩm Sữa chua uống tại Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid-19, Công ty chưa triển khai dự án đầu tư tại Nhà máy Bánh kẹo Biscafun, Công ty dự kiến sẽ đầu tư trong thời gian đến.

- Ngoài ra, Công ty thực hiện điều chỉnh dự án đầu tư dây chuyền sản xuất đường tinh luyện RE với tổng vốn đầu tư là 1.100 tỷ đồng (giảm so với dự toán ban đầu do giá trị thực tế của các hạng mục chào thầu cạnh tranh thấp hơn giá khảo sát khi lập dự án).



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị đã hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, các quy chế quản trị nội bộ của Công ty góp phần đạt kết quả mà Đại hội đồng Cổ đông đề ra. Trong năm, Hội đồng quản trị chưa nhận bất kỳ khoản thù lao nào.



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2021 như sau:

Hội đồng Quản trị thường xuyên kiểm tra, giám sát Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; Cân đối các nguồn tiền, thực hiện các biện pháp huy động vốn hợp lý, đảm bảo cung ứng vốn để thực hiện các dự án đầu tư đúng tiến độ.

Chỉ đạo xây dựng định hướng chiến lược phát triển chung toàn Công ty trên các lĩnh vực: SXKD tài chính, đầu tư, phát triển thị trường, vùng nguyên liệu và nguồn nhân lực.

Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tiếp tục thực hiện cơ chế tiền lương hiệu quả, khuyến khích sáng tạo, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa trong sản xuất kinh doanh... nhằm nâng cao hiệu quả làm việc của người lao động.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

KẾT QUẢ GIÁM SÁT

Năm 2021 là một năm nhiều biến động ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm, Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng định hướng phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Các chủ trương, chỉ đạo của HĐQT đã được Ban Tổng giám đốc triển khai thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao. Với kết quả đạt được, hình ảnh công ty tiếp tục được duy trì và củng cố lòng tin từ các đối tác, khách hàng và đặc biệt là các cổ đông.

Với sự đóng góp của Ban Tổng giám đốc trong điều hành công ty, HĐQT tin rằng QNS sẽ còn tiếp tục phát triển, từng bước chinh phục các thị trường mới trong nước, khu vực và quốc tế.

TRẦN NGỌC PHƯƠNG

Chủ tịch HĐQT





BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Đình Quế	Trưởng ban	23/12/2005	5/5	100%
2	Ông Nguyễn Thành Huy	TV. BKS	23/12/2005	5/5	100%
3	Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp	TV. BKS	25/03/2017	5/5	100%

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Ngày họp	Nội dung cuộc họp	Tỷ lệ thông qua
1	04/3/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định Báo cáo tài chính Công ty năm 2020; - Tham gia lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2021 - Tham gia ý Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty CP Đường Quảng Ngãi; - Soát xét tình hình hoạt động Công ty năm 2020; kiến nghị, đề xuất với HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty. - Thông qua Tờ trình của Ban kiểm soát trình Đại hội Cổ đông năm 2021 thông qua: Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty CP Đường Quảng Ngãi và lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2021 và; - Tham gia xây dựng Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội Cổ đông năm 2021 - Một số công tác của Ban kiểm soát 	100%
2	30/3/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác nhân sự Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2025; - Về công tác nhân sự Hội đồng quản trị và Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty. - Thẩm tra tư cách đại biểu cổ đông và điều kiện tiến hành đại hội đồng cổ đông năm 2021. - Soát xét các nội dung chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông năm 2021 liên quan đến trách nhiệm của Ban kiểm soát. 	100%
3	06/4/2021	Bầu Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2025	100%
4	19/5/2021	Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC – Quận Hải Châu, Đà Nẵng là đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2021 (Gồm Báo cáo tài chính công ty mẹ, Báo cáo tài chính Công ty TNHH MTV TM Thành Phát và Báo cáo tài chính hợp nhất).	100%
5	04/9/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định Báo cáo tài chính Công ty 6 tháng đầu năm 2021; - Soát xét tình hình hoạt động công ty 8 tháng đầu năm 2021; kiến nghị, đề xuất với HĐQT, Tổng giám đốc Công ty. - Hoạt động của Ban kiểm soát những tháng cuối năm 2021. 	100%



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2021

Ban kiểm soát đã hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, quy chế của Ban kiểm soát. Trong năm, Ban kiểm soát chưa nhận bất kỳ khoản thù lao nào.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Giám sát, đánh giá hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, của Ban Tổng Giám đốc trong suốt niên độ, liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của năm 2021 đã được Đại Hội Cổ Đông thông qua; giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định quản trị nội bộ của Công ty.

Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty, giám sát thường xuyên các hoạt động của Công ty, nắm bắt thông tin về tình hình kinh doanh, cảnh báo kịp thời các yếu tố rủi ro đảm bảo cho hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty.

Thẩm tra các báo cáo tài chính quý, báo cáo 6 tháng, báo cáo năm; đồng thời giám sát các đơn vị trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán độc lập đưa ra.

SỰ PHỐI HỢP GIỮA BKS VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Ban Kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn theo luật định; đã tham dự tất cả các phiên họp trực tiếp của Hội đồng Quản trị hoặc nhận đầy đủ hồ sơ tài liệu của các phiên họp lấy ý kiến bằng văn bản; tham gia các cuộc họp của Tổng Giám đốc như sơ kết, tổng kết hoạt động kinh doanh của Công ty, triển khai các chiến lược kinh doanh.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ được qui định tại Điều Lệ Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động SXKD của Công ty, hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Nhờ đó, có thể tiếp cận, nắm bắt kịp thời thông tin về tình hình hoạt động Công ty và các Đơn vị thành viên; thực hiện việc giám sát và có ý kiến trực tiếp về các vấn đề thuộc quyền hạn của Ban Kiểm soát, cũng như tham gia cùng Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản trị điều hành.

Đối với cổ đông, Ban Kiểm soát luôn sẵn sàng tiếp nhận phản ánh, trao đổi thông tin, tiếp thu ý kiến đóng góp của cổ đông.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính Công ty năm 2021 ổn định và lành mạnh.

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh, tài chính của Công ty. Các hoạt động của Công ty đã tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

Công ty đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Năm 2021, trước tác động bất lợi của dịch bệnh, Công ty vẫn đảm bảo duy trì hoạt động, hoàn thành kế hoạch lợi nhuận, giữ vững uy tín, thương hiệu và thị phần trên thị trường.



HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2021, Ban Kiểm soát chưa phát hiện sự bất thường nào trong các hoạt động của Công ty, không nhận được ý kiến nào của cổ đông gửi đến Ban Kiểm soát về sai phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Các hoạt động của Công ty CP Đường Quảng Ngãi trong năm 2021 đều tuân thủ quy định pháp luật, Điều Lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và hệ thống điều hành Công ty đã hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ trong năm 2021. Với những định hướng đúng đắn và quyết định điều hành kịp thời đã đưa Công ty vượt qua nhiều khó khăn trước những biến động kinh tế - xã hội phức tạp, dịch bệnh, biến đổi khí hậu trong năm 2021; tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính đạt hiệu quả.

NGUYỄN ĐÌNH QUẾ

Trưởng ban kiểm soát



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA

NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

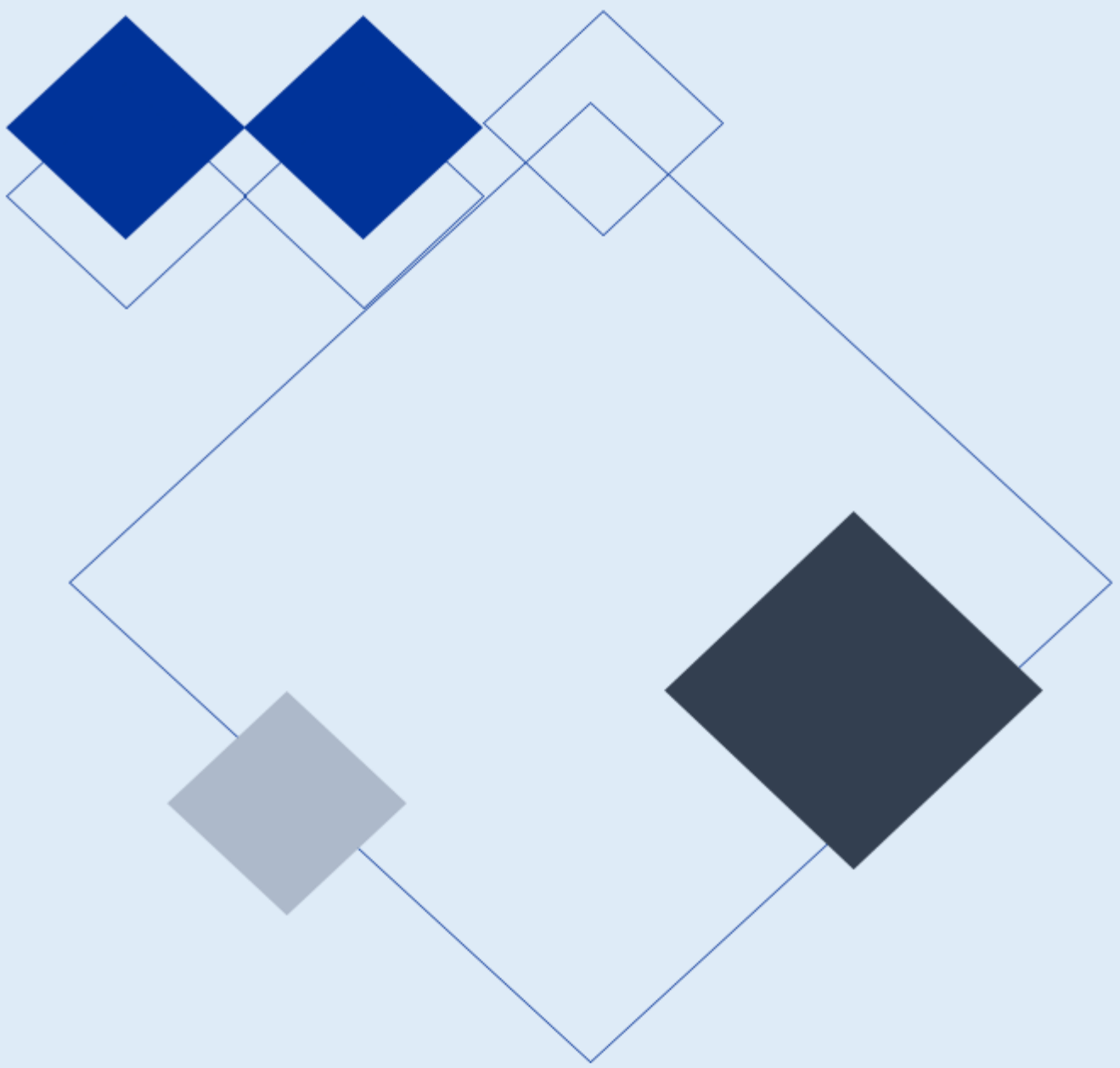
STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Tăng/giảm	Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	+/-	
1	Võ Thành Đàng	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	21.714.548	6,08	23.469.948	6,58	1.755.400	Mua
2	Hoàng Thị Lệ Hằng	Em dâu ông Võ Thành Đàng - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	121.535	0,03	97.035	0,03	(24.500)	Mua, bán
3	Nguyễn Đình Quế	Trưởng Ban kiểm soát	2.407.341	0,67	2.402.841	0,67	(4.500)	Bán
4	Dương Thị Thu Thủy	Vợ ông Nguyễn Đình Quế	32.674	0,01	10.074	0,00	(22.600)	Bán
5	Nguyễn Đình Quế Dương	Con ruột ông Nguyễn Đình Quế	20.000	0,01	-	-	(20.000)	Bán
6	Trần Thị Thủy Ngân	Con dâu ông Nguyễn Đình Quế - Trưởng Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	Mua, bán
7	Nguyễn Thị Hồng Thoa	Con dâu ông Nguyễn Đình Quế - Trưởng Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	Mua, bán
8	Huỳnh Thị Ngọc Diệp	Thành viên Ban Kiểm soát, Phó phòng HC.TC.KHTH	320.383	0,09	304.583	0,09	(15.800)	Mua, Bán
9	Nguyễn Thế Bình	Kế toán trưởng Công ty	2.137.763	0,60	2.177.963	0,61	40.200	Mua, Bán
10	Ngô Võ Triết	Con ông Ngô Văn Tụ - TV. HĐQT, Giám đốc NM Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy	85.000	0,02	80.000	0,02	(5.000)	Mua, bán



GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY CON



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Quyết định/ Nghị quyết của HĐQT	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)
1	Công ty TNHH MTV TM Thành Phát (Thành Phát)	Công ty con	Năm 2021	19/QĐ-QNS-HĐQT ngày 15/3/2021	Thành Phát nộp lợi nhuận về cho QNS	168.364.868.458
				07/NQ/QNS-HĐQT ngày 08/02/2021 của HĐQT và 30/NQ/QNS-ĐHĐCĐ2021 ngày 03/4/2021 của ĐHĐCĐ	QNS trả cổ tức cho Thành Phát	138.836.512.500
				46/NQ/QNS-HĐQT ngày 30/12/2020	QNS mua hàng hóa, dịch vụ của Thành Phát	17.382.491.988
					QNS bán hàng hóa, dịch vụ cho Thành Phát	1.144.377.971.613



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

2022



KẾ HOẠCH

SẢN XUẤT KINH DOANH 2022

TỔNG DOANH THU

8.000 TỶ ĐỒNG

VỐN ĐIỀU LỆ ĐẾN 31/12/2022

3.569 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ TNDN

1.200 TỶ ĐỒNG

TỶ LỆ TRẢ CỔ TỨC

>15%

LỢI NHUẬN SAU THUẾ TNDN

1.008 TỶ ĐỒNG

KHẤU HAO

471 TỶ ĐỒNG



ĐỊNH HƯỚNG

PHÁT TRIỂN

1

Về vùng nguyên liệu:

Tiếp tục đầu tư để phục hồi và phát triển vùng nguyên liệu mía và mở rộng vùng nguyên liệu đậu nành trong nước.

2

Về sản phẩm:

Phát triển đa dạng hóa sản phẩm. Ngoài các sản phẩm truyền thống đã khẳng định được thị phần của công ty hiện nay là đường, sữa đậu nành, bia, nước khoáng, bánh kẹo,... Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, đặc biệt là các sản phẩm mà Công ty có tiềm năng và lợi thế.

3

Về thị trường:

Tiếp tục duy trì và phát triển thị trường trong nước; đồng thời tìm kiếm và mở rộng thị trường quốc tế.

4

Về khoa học công nghệ:

Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trên thế giới.

5

Về tài chính:

Quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, vững chắc.



Trong tình hình chung của nền kinh tế luôn biến động, Hội đồng Quản trị tiếp tục nỗ lực trong việc nắm bắt cơ hội để kinh doanh, thích ứng với những khó khăn, khai thác những yếu tố thuận lợi để đưa Công ty tiếp tục phát triển.

6

Về đầu tư:

Tiếp tục đầu tư các thiết bị mang tính đổi mới công nghệ. Thông qua việc đầu tư để tiếp cận được những phương tiện, thiết bị hiện đại theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đồng thời cũng đào tạo được đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

7

Về nhân sự:

Xây dựng đội ngũ lãnh đạo đủ phẩm chất, năng lực và uy tín.

8

Xây dựng chính sách kinh doanh linh hoạt, nghiên cứu và nắm bắt thông tin kinh tế, thị trường nhằm đưa ra những đối sách ứng phó kịp thời trước thời kỳ hội nhập và biến động của kinh tế - xã hội.

9

Đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty trên cơ sở: mọi hoạt động phải tuân thủ pháp luật; bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa Công ty và các đối tác; không ngừng nâng cao uy tín thương hiệu QNS.



GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Đối với mảng kinh doanh sữa:

- ✓ Phát triển vùng nguyên liệu tại bốn vùng trong cả nước, bao gồm Miền Bắc, Miền Trung, Tây Nguyên và ĐBSCL theo mô hình hợp tác toàn diện; đồng thời nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trong công tác chọn tạo giống đậu nành để phù hợp với từng vùng.
- ✓ Tập trung phát triển, mở rộng ngành hàng sữa đậu nành và những dòng sản phẩm dinh dưỡng khác từ thực vật: sữa chua uống, thịt từ thực vật,... mang thương hiệu Vinasoy.
- ✓ Tiếp tục xây dựng chiến lược Marketing để duy trì vị thế dẫn đầu tại thị trường trong nước, đẩy mạnh công tác xuất khẩu các sản phẩm của Vinasoy sang các thị trường: Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Mỹ,...
- ✓ Phát huy mọi nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, xúc tiến thương mại, liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài để tiếp cận thị trường quốc tế rộng lớn hơn.

Đối với mảng kinh doanh đường:

- ✓ Công ty thực hiện đầu tư vùng nguyên liệu mía theo hướng đầu tư trực tiếp cho người trồng mía và đầu tư qua giá mua mía để phục hồi và phát triển vùng nguyên liệu mía nhằm đảm bảo cung ứng nguyên liệu mía với công suất ép 18.000 TMN.
- ✓ Tối ưu trong khai thác và phát triển chuỗi giá trị Mía – Đường – Điện sinh khối: tiếp tục phát triển vùng nguyên liệu mía, nâng cao hiệu quả chế biến đường từ mía và từ đường thô nhập khẩu để chế biến đường RE, tăng cường hoạt động sản xuất điện phát lên lưới điện Quốc gia.
- ✓ Tiếp tục mở rộng kênh bán buôn và phát triển kênh bán lẻ đường túi với các sản phẩm: đường kính trắng, đường tinh luyện và đường vàng mang thương hiệu QNS.

GIẢI PHÁP CHUNG

- Tiếp tục triển khai chiến lược “đa thương hiệu”: vừa phát triển thương hiệu cá biệt của các sản phẩm, vừa phát triển thương hiệu chung QNS, đưa thương hiệu QNS dẫn đầu thị trường trong nước và vươn ra thế giới.
- Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để đổi mới công nghệ trong sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra nhiều lợi nhuận. Đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại để sản xuất sản phẩm, quản lý hệ thống phân phối và quản lý điều hành hiệu quả hơn.
- Nâng cao năng lực quản trị tài chính, tăng cường huy động các nguồn vốn chi phí thấp, giám sát chặt chẽ công tác đầu tư và sử dụng vốn hiệu quả.
- Xây dựng chính sách sử dụng và đãi ngộ đối với người lao động nhằm phát huy năng lực và khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân phục vụ cho mục tiêu phát triển Cty.
- Đẩy mạnh các chiến lược bán hàng như sau:
 - + Tăng cường hoạt động về tiếp thị nhằm quảng bá thương hiệu và các sản phẩm của Công ty trên thị trường.
 - + Thực hiện tốt chính sách đối với khách hàng để duy trì và phát triển thương hiệu, thị phần.

Đối với mảng kinh doanh khác:

- ✓ Đầu tư các thiết bị nhằm để đổi mới công nghệ cho sản phẩm bánh kẹo và nước khoáng.
- ✓ Tiếp tục cải tiến nâng cao chất lượng các sản phẩm.
- ✓ Tiếp tục phát triển việc tiêu thụ sản phẩm nước khoáng Thạch Bích vào thị trường miền Nam; đồng thời tiến hành mở rộng, quảng bá và tiêu thụ ra thị trường miền Bắc thông qua các hệ thống phân phối của Vinasoy.





QNS

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 02 Nguyễn Chí Thanh, P. Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi

ĐT: 84-255-3726110

Fax: 84-255-3822843

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Nhà máy Đường An Khê

Địa chỉ: Xã Thành An, Thị xã An Khê, Tỉnh Gia Lai

ĐT: 84-269-3532084

Fax: 84-269-3532002

Nhà máy Đường Phổ Phong

Địa chỉ: Xã Phổ Phong, Huyện Đức Phổ, Tỉnh Quảng Ngãi

ĐT: 84-255-3855001

Fax: 84-255-3855040

Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy

Địa chỉ: 02 Nguyễn Chí Thanh, P. Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

ĐT: 84-255-3719719 Fax: 84-255-3810391

Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam VNS Bắc Ninh

Địa chỉ: KCN Tiên Sơn, TX Từ Sơn, Bắc Ninh

ĐT: 84-222-3714714 Fax: 84-222-3714715

Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam VNS Bình Dương

Địa chỉ: KCN VSIP II-A, TX Tân Uyên, Bình Dương

ĐT: 84-074-3719719

Nhà máy Bia Dung Quất

Địa chỉ: 02 Nguyễn Chí Thanh, P. Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

ĐT: 84-255-3726414

Fax: 84-255-3812928

Nhà máy Bánh kẹo Biscafun

Địa chỉ: 02 Nguyễn Chí Thanh, P. Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

ĐT: 84-255-3822153 Fax: 84-255-3811274

Nhà máy Nước khoáng Thạch Bích

Địa chỉ: 02 Nguyễn Chí Thanh, P. Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

ĐT: 84-255-3822009 Fax: 84-255-3810377

Nhà máy Nha Quảng Ngãi

Địa chỉ: 02 Nguyễn Chí Thanh, P. Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

ĐT: 84-255-3726722

Fax: 84-255-38210154

Nhà máy Điện Sinh khối An Khê

Địa chỉ: Xã Thành An, Thị xã An Khê, Tỉnh Gia Lai

Nhà máy Cơ khí

Địa chỉ: 02 Nguyễn Chí Thanh, P. Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

ĐT: 84-255-3726731

Fax: 84-255-3822843

Xí nghiệp Cơ giới Nông Nghiệp An Khê

Địa chỉ: Cụm CN An Bình, TX An Khê, Gia Lai

ĐT: 84-269-3532922

Trung tâm Môi trường và Nước sạch

Địa chỉ: 02 Nguyễn Chí Thanh, P. Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

ĐT: 84-255-3726766 Fax: 84-255-3726769

Trung tâm Nghiên cứu và ƯD đậu nành VSAC

Địa chỉ: 02 Nguyễn Chí Thanh, P. Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi

ĐT: 84-255-3726652

Nhà máy Điện Sinh khối

Địa chỉ: Xã Thành An, Thị xã An Khê, Tỉnh Gia Lai

Trung tâm Nghiên cứu và phát triển đậu nành Vinasoy

Địa chỉ: Xã Hành Thiện, Huyện Nghĩa Hành, Tỉnh Quảng Ngãi

Trạm Khảo nghiệm Đậu nành Tây Nguyên

Địa chỉ: Thôn 14, Xã Đăk Drông, huyện Cư Jut, tỉnh Đăk Nông.

CÔNG TY CON

Công ty TNHH MTV TM Thành Phát

Địa chỉ: 02 Nguyễn Chí Thanh, P. Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

ĐT: 84-255-3726144

Fax: 84-255-3811822

Email: trade@qns.com.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Văn phòng Đại diện TP.HCM

Địa chỉ: 132 Hàm Nghi, P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM

ĐT: 84-2873030389

Fax: 84-2873030389

Văn phòng Đại diện Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà Ford Thăng Long, 105 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

ĐT: 84-2435627425

Fax: 84-2435622699

Số: ~~047~~/QNS-TCKT

Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 02 năm 2022

"V/v giải trình nguyên nhân LNST
trên báo cáo hợp nhất tăng so cùng kỳ"

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán, lợi nhuận sau thuế TNDN là:
(+) 1.052.978 triệu đồng

Theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán, lợi nhuận sau thuế TNDN là:
(+) 1.253.564 triệu đồng.

Theo quy định tại thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020, Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế năm 2021 tăng (+) 200.586 triệu đồng, tương ứng tăng 19% so cùng kỳ năm trước như sau:

Trong năm 2021, tình hình dịch bệnh covid 19 trên thế giới và ở Việt Nam vẫn diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam và tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiệu quả hoạt động kinh doanh của mảng sữa đậu nành, nước khoáng... giảm so cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh mảng đường tăng, nguyên nhân chính giúp lợi nhuận toàn Công ty tăng so cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

- ✓ Dây chuyền sản xuất sản phẩm đường hoạt động ổn định, tiết kiệm chi phí trong sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, gia tăng hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh.
- ✓ Trong thời gian qua, QNS đã tập trung phát triển vùng nguyên liệu mía theo hướng sản xuất công nghiệp trên cơ sở ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến giúp nâng cao năng suất và chất lượng cây mía.

Trên đây là báo cáo của Công ty về nguyên nhân lợi nhuận sau thuế tăng so cùng kỳ năm trước.

Xin cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên
- P. CNTT Cty
- Lưu TCKT, HC Cty

TỔNG GIÁM ĐỐC



Handwritten signature: Võ Thành Đăng



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG
QUẢNG NGÃI**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Đường Quảng Ngãi thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) theo Quyết định số 2610/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 30/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 3403000079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 28/12/2005, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 23 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (mã số doanh nghiệp hiện nay là 4300205943) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/03/2021.

Công ty đã thực hiện đăng ký và giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 20/12/2016 với mã chứng khoán là QNS.

Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2021: 3.569.399.550.000 đồng

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 16 đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc, có tổ chức kế toán riêng và một công ty con:

Các Đơn vị trực thuộc

- Nhà máy Bia Dung Quất;
- Xí nghiệp Cơ giới Nông nghiệp An Khê;
- Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam VINASOY;
- Nhà máy Sữa đậu nành VINASOY Bắc Ninh;
- Nhà máy Sữa đậu nành VINASOY Bình Dương;
- Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng Đậu nành VINASOY;
- Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Đậu nành VINASOY;
- Nhà máy Đường Phở Phong;
- Trung tâm Môi trường và Nước sạch;
- Nhà máy Đường An Khê;
- Nhà máy Điện sinh khối An Khê;
- Nhà máy Bánh kẹo BISCAFUN;
- Nhà máy Nước khoáng Thạch Bích;
- Nhà máy Nha Quảng Ngãi;
- Nhà máy Cơ khí;
- Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Giống Mía Gia Lai.

Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Thương mại Thành Phát	02 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Quảng Ngãi	Thương mại	100%

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 02 Nguyễn Chí Thanh, Phường Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.
- Điện thoại: (84) 0255.3726 110

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Fax: (84) 0255.3822 843
- Website: www.qns.com.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa. Chi tiết: Chế biến sữa đậu nành và các sản phẩm từ sữa đậu nành;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất đường;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất phân bón và các hợp chất ni tơ. Chi tiết: Sản xuất các loại phân bón vô cơ, vi sinh;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Kinh doanh bia, đồ uống;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Kinh doanh đường, mật, sữa, bánh kẹo;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Khai thác nước khoáng;
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước ngọt các loại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt. Chi tiết: Trồng mía;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí phục vụ các ngành sản xuất và dân dụng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp. Chi tiết: Kinh doanh và chế tạo công cụ máy nông nghiệp;
- Sản xuất máy chuyên dụng khác. Chi tiết: Sản xuất máy trồng, máy chăm sóc và máy thu hoạch mía;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh phân bón vô cơ, vi sinh; Kinh doanh vỏ chai thủy tinh, kết nhựa các loại; Kinh doanh mía giống, mía nguyên liệu, cồn, nha (đường glucoza); Kinh doanh chế phẩm, phế liệu thu hồi trong sản xuất: mật rỉ, bã đậu nành, malt bia, bã mía, bã bùn;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nha (đường glucoza); Sản xuất và kinh doanh cồn (Ethanol): cồn thực phẩm, cồn nhiên liệu, cồn nhiên liệu biến tính, cồn công nghiệp; Sản xuất và kinh doanh CO2 thực phẩm và CO2 công nghiệp;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm);
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí;
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Kinh doanh giống đậu nành, đậu nành nguyên liệu;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa. Chi tiết: trồng đậu nành;
- Trồng cây có hạt chứa dầu;
- Xử lý hạt giống để nhân giống;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn về nông học;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San ủi, làm đất, cày đất, làm đường kênh mương nội đồng và giao thông vùng nguyên liệu mía;
- Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống. Chi tiết: Sản xuất và cung cấp khí biogas và khí hơi nước;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo;
- Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm. Chi tiết: Nhân và chăm sóc cây mía giống; Nhân và chăm sóc cây đậu nành giống;
- Sản xuất điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối niên độ kế toán là 4.099 người. Trong đó nhân viên quản lý là 146 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Trần Ngọc Phương | Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm lại ngày 08/04/2021 |
| • Ông Võ Thành Đàng | Phó Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 08/04/2021 |
| • Ông Nguyễn Hữu Tiến | Phó Chủ tịch HĐQT | Giữ chức đến ngày 02/04/2021 |
| | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 03/04/2021 |
| • Ông Ngô Văn Tụ | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 03/04/2021 |
| • Ông Đặng Phú Quý | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 03/04/2021 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Ông Nguyễn Văn Đông Thành viên Bổ nhiệm ngày 03/04/2021

Ban Kiểm soát

- Ông Nguyễn Đình Quế Trưởng ban Bổ nhiệm lại ngày 06/04/2021
- Ông Nguyễn Thành Huy Thành viên Bổ nhiệm lại ngày 03/04/2021
- Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp Thành viên Bổ nhiệm lại ngày 03/04/2021

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- Ông Võ Thành Đàng Tổng Giám đốc Bổ nhiệm lại ngày 08/04/2021
- Ông Nguyễn Hữu Tiến Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm lại ngày 08/04/2021
- Ông Trần Ngọc Phương Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm lại ngày 08/04/2021
- Ông Nguyễn Thế Bình Kế toán trưởng Bổ nhiệm lại ngày 08/04/2021

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 02 năm 2022



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 106/2022/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 25/02/2022 của Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Thu Hiền - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 25 tháng 02 năm 2022

Đỗ Thị Thanh Vân - Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1483-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.323.276.030.719	4.187.686.897.809
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		178.881.955.680	422.044.973.893
1. Tiền	111	5	178.881.955.680	422.044.973.893
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.923.000.000.000	2.639.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	3.923.000.000.000	2.639.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		385.904.213.240	264.297.996.308
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	99.619.899.810	79.943.578.169
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	260.821.323.529	165.599.368.239
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	41.481.377.656	32.925.408.279
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(16.018.387.755)	(14.170.358.379)
IV. Hàng tồn kho	140		816.197.725.221	843.708.996.514
1. Hàng tồn kho	141	11	817.786.454.977	843.708.996.514
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.588.729.756)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.292.136.578	18.634.931.094
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	17.403.657.957	17.043.406.605
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.523.202.189	1.565.738.977
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	365.276.432	25.785.512
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			4.552.474.239.628	4.962.644.051.486
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		786.569.947	412.183.710
1. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	786.569.947	412.183.710
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.285.447.883.752	3.806.926.338.953
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	4.273.726.932.853	3.790.512.715.213
- Nguyên giá	222		8.942.372.581.348	8.231.890.317.925
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.668.645.648.495)	(4.441.377.602.712)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	11.720.950.899	16.413.623.740
- Nguyên giá	228		62.343.137.395	57.416.442.595
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(50.622.186.496)	(41.002.818.855)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		46.712.984.551	928.433.147.969
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	46.712.984.551	928.433.147.969
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		219.526.801.378	226.872.380.854
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	219.522.307.215	226.671.920.188
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4.494.163	200.460.666
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		9.875.750.270.347	9.150.330.949.295

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.780.862.739.898	2.544.964.442.741
I. Nợ ngắn hạn	310		2.709.771.959.560	2.517.260.603.822
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	363.762.300.188	382.734.453.855
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	41.305.690.080	59.828.397.538
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	18	60.933.337.962	125.910.909.419
4. Phải trả người lao động	314		109.813.564.883	132.303.537.522
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	3.754.021.957	3.045.149.728
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		18.181.818	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20a	27.066.984.441	20.990.491.475
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	2.032.288.120.686	1.723.009.678.809
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		70.829.757.545	69.437.985.476
II. Nợ dài hạn	330		71.090.780.338	27.703.838.919
1. Phải trả dài hạn khác	337	20b	20.356.047.079	20.464.176.088
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	22	50.734.733.259	7.239.662.831
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		7.094.887.530.449	6.605.366.506.554
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	7.094.887.530.449	6.605.366.506.554
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	23	3.569.399.550.000	3.569.399.550.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.569.399.550.000	3.569.399.550.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	353.499.663.780	353.499.663.780
3. Cổ phiếu quỹ	415	23	(834.457.318.216)	(834.457.318.216)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	638.166.434.928	606.577.096.243
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	3.368.279.199.957	2.910.347.514.747
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.265.417.696.500	2.008.072.233.590
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.102.861.503.457	902.275.281.157
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		9.875.750.270.347	9.150.330.949.295

Tổng Giám đốc



Võ Thành Đăng

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 02 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Bình

Người lập

Trần Thị Xuân Hiền

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
HỢP NHẤT**

Mẫu số B 02 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	7.374.456.065.704	6.522.165.071.319
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	39.161.673.649	32.401.244.522
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7.335.294.392.055	6.489.763.826.797
4. Giá vốn hàng bán	11	27	5.073.234.436.282	4.438.284.191.180
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.262.059.955.773	2.051.479.635.617
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	142.915.484.776	142.064.834.469
7. Chi phí tài chính	22	29	66.281.421.486	71.847.485.893
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		65.880.925.449	71.041.570.755
8. Chi phí bán hàng	25	30.a	693.932.847.200	654.113.883.340
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30.b	252.508.477.645	234.335.496.961
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.392.252.694.218	1.233.247.603.892
11. Thu nhập khác	31	31	53.029.739.734	38.029.869.172
12. Chi phí khác	32	32	6.125.164.821	4.843.664.119
13. Lợi nhuận khác	40		46.904.574.913	33.186.205.053
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.439.157.269.131	1.266.433.808.945
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	185.397.124.171	213.634.256.071
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		195.966.503	(178.403.283)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.253.564.178.457	1.052.977.956.157
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.253.564.178.457	1.052.977.956.157
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	4.117	3.459
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	34	4.117	3.459

Tổng Giám đốc

Võ Thành Đàng

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 02 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Bình

Người lập

Trần Thị Xuân Hiền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 03 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.439.157.269.131	1.266.433.808.945
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao Tài sản cố định và phân bổ tiền thuê đất	02	473.822.745.455	471.190.942.898
- Các khoản dự phòng	03	3.436.759.132	1.922.099.561
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(120.482.728)	554.883.420
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(133.279.541.304)	(119.400.802.553)
- Chi phí lãi vay	06	65.880.925.449	71.041.570.755
- Các khoản điều chỉnh khác	07	50.000.000.000	10.000.000.000
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	1.898.897.675.135	1.701.742.503.026
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(178.141.515)	(34.110.534.430)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	25.922.541.537	(183.111.646.148)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(118.513.532.064)	(52.190.060.256)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.029.218.726	(8.598.037.516)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(65.676.720.111)	(71.529.594.551)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(250.963.148.154)	(225.912.389.433)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(15.184.289.853)	(18.005.781.949)
- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	<u>1.476.333.603.701</u>	<u>1.108.284.458.743</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(113.918.151.061)	(198.582.596.557)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	18.675.265.828	5.349.015.001
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.389.049.408.219)	(1.661.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	1.105.049.408.219	1.682.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	104.794.246.994	116.294.590.292
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	<u>(1.274.448.638.239)</u>	<u>(55.938.991.264)</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	5.454.981.707.993	4.700.769.619.517
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.145.703.266.116)	(4.642.491.961.212)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(754.159.373.100)	(903.547.488.925)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	<u>(444.880.931.223)</u>	<u>(845.269.830.620)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	<u>(242.995.965.761)</u>	<u>207.075.636.859</u>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	422.044.973.893	215.083.518.132
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(167.052.452)	(114.181.098)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	<u>178.881.955.680</u>	<u>422.044.973.893</u>



Võ Thanh Đăng

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 02 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Bình

Người lập

Trần Thị Xuân Hiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Đường Quảng Ngãi thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) theo Quyết định số 2610/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 30/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 3403000079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 28/12/2005, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 23 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (mã số doanh nghiệp hiện nay là 4300205943) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/03/2021.

Công ty đã thực hiện đăng ký và giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 20/12/2016 với mã chứng khoán là QNS.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại/dịch vụ/xây lắp/tổng hợp nhiều lĩnh vực kinh doanh.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa. Chi tiết: Chế biến sữa đậu nành và các sản phẩm từ sữa đậu nành;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất đường;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất phân bón và các hợp chất ni tơ. Chi tiết: Sản xuất các loại phân bón vô cơ, vi sinh;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Kinh doanh bia, đồ uống;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Kinh doanh đường, mật, sữa, bánh kẹo;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Khai thác nước khoáng;
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước ngọt các loại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt. Chi tiết: Trồng mía;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí phục vụ các ngành sản xuất và dân dụng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp. Chi tiết: Kinh doanh và chế tạo công cụ máy nông nghiệp;
- Sản xuất máy chuyên dụng khác. Chi tiết: Sản xuất máy trồng, máy chăm sóc và máy thu hoạch mía;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh phân bón vô cơ, vi sinh; Kinh doanh vỏ chai thủy tinh, kết nhựa các loại; Kinh doanh mía giống, mía nguyên liệu, cồn, nha (đường glucoza); Kinh doanh chế phẩm, phế liệu thu hồi trong sản xuất: mật rỉ, bã đậu nành, malt bia, bã mía, bã bùn;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nha (đường glucoza); Sản xuất và kinh doanh cồn (Ethanol): cồn thực phẩm, cồn nhiên liệu, cồn nhiên liệu biến tính, cồn công nghiệp; Sản xuất và kinh doanh CO2 thực phẩm và CO2 công nghiệp;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm);
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Kinh doanh giống đậu nành, đậu nành nguyên liệu;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa. Chi tiết: trồng đậu nành;
- Trồng cây có hạt chứa dầu;
- Xử lý hạt giống để nhân giống;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn về nông học;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San ủi, làm đất, cày đất, làm đường kênh mương nội đồng và giao thông vùng nguyên liệu mía;
- Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống. Chi tiết: Sản xuất và cung cấp khí biogas và khí hơi nước;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo;
- Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm. Chi tiết: Nhân và chăm sóc cây mía giống; Nhân và chăm sóc cây đậu nành giống;
- Sản xuất điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng. Riêng Nhà máy Nhà máy Đường An Khê, Nhà máy Điện Sinh khối và Nhà máy Đường Phở Phong hoạt động sản xuất kinh doanh mang tính thời vụ thường bắt đầu từ tháng 10 năm trước đến tháng 5 năm kế tiếp.

1.5. Sự kiện quan trọng trong kỳ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Năm 2021 là năm mà Việt Nam chịu sự ảnh hưởng nặng nề bởi Đại dịch Covid-19. Chính phủ đã áp dụng nhiều biện pháp mạnh để ngăn chặn đại dịch như hạn chế đi lại, kiểm soát biên giới, giãn cách. Do đó mà tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đều bị ảnh hưởng. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá tác động của Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty và từ đó xây dựng, áp dụng các kế hoạch phù hợp để kiểm soát tình hình, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty được ổn định.

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 16 đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc, có tổ chức kế toán riêng và một công ty con như sau:

Các Đơn vị trực thuộc

- Nhà máy Bia Dung Quất;
- Xí nghiệp Cơ giới Nông nghiệp An Khê;
- Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam VINASOY;
- Nhà máy Sữa đậu nành VINASOY Bắc Ninh;
- Nhà máy Sữa đậu nành VINASOY Bình Dương;
- Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng Đậu nành VINASOY;
- Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Đậu nành VINASOY (*);
- Nhà máy Đường Phở Phong;
- Trung tâm Môi trường và Nước sạch;
- Nhà máy Đường An Khê;
- Nhà máy Điện sinh khối An Khê;
- Nhà máy Bánh kẹo BISCAFUN;
- Nhà máy Nước khoáng Thạch Bích;
- Nhà máy Nha Quảng Ngãi;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Nhà máy Cơ khí;
- Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Giống Mía Gia Lai.

(*) Ngày 05/04/2021, Công ty chuyển đổi Trung tâm Giống mía Quảng Ngãi thành Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Đậu nành Vinasoy.

Do diện tích vùng nguyên liệu mía tại địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi bị thu hẹp, Nhà máy đường Phố Phong đã tạm dừng hoạt động sản xuất chế biến đường từ mía trong năm 2021.

Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Thương mại Thành Phát	02 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Quảng Ngãi	Thương mại	100%

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con.

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng niên độ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và công ty con.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

4.5 Các khoản nợ phải thu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.7 Tài sản cố định hữu hình***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh tối đa không quá 2 lần đối với một số tài sản cố định là máy móc thiết bị, dụng cụ quản lý và phương tiện vận tải. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.8 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng đất có thời hạn	15
Phần mềm quản lý	1,5 - 3

4.9 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là việc thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán tiền thuê dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty được phân bổ vào chi phí như sau:

- Tiền thuê đất và các chi phí liên quan đến đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Công cụ dụng cụ, vỏ chai, két đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.12 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.13 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

4.14 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.15 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ do Công ty thành lập để tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty thông qua hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và phát triển, đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, hợp lý hoá sản xuất nhằm nâng cao sức cạnh tranh của Công ty.

Việc trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/08/2016 được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 09/02/2011 và Thông tư số 105/2012/TT-BTC ngày 25/06/2012 của Bộ Tài chính. Đối với các tài sản cố định mua sắm từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ sau khi được Sở Khoa học và Công nghệ địa phương chứng nhận, Công ty hạch toán ghi giảm Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, đồng thời hạch toán tăng hao mòn lũy kế tài sản cố định tương ứng với toàn bộ nguyên giá của các tài sản cố định đó.

Kể từ ngày 01/09/2016, Công ty trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28/06/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính.

4.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Cổ tức trả cho các cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.17 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu hợp đồng xây dựng:
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành;
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.18 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc niên độ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.19 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.21 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.23 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.24 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Áp dụng thuế suất 5% đối với mặt hàng đường, mật ri, còn, nha.
 - ✓ Áp dụng thuế suất 10% đối với các sản phẩm: nước khoáng, bánh kẹo, sữa, bia, bao bì, điện thương phẩm, dịch vụ quảng cáo, bán phế liệu.
 - ✓ Các sản phẩm, dịch vụ khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Áp dụng mức thuế suất 65% đối với mặt hàng bia.
- Thuế tài nguyên:
 - ✓ Hoạt động khai thác nước khoáng với mức 325.000 đồng/m³ x thuế suất (10%);
 - ✓ Hoạt động khai thác nước sông Trà Khúc với mức: 4.000 đồng/m³ x thuế suất (1%).
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất 20%.

Riêng đối với một số đơn vị trực thuộc thì được hưởng ưu đãi cụ thể như sau:

- ✓ Xí nghiệp Cơ giới Nông nghiệp: Miễn thuế đối với thu nhập từ hoạt động cày đất.
- ✓ Trung tâm Giống mía (huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi): Áp dụng mức thuế suất 10% đối với thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.
- ✓ Nhà máy Đường An Khê (thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai):
 - + Đối với thu nhập từ chế biến nông sản: Được miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ chế biến nông sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
 - + Đối với các khoản thu nhập khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh: Áp dụng mức thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm (từ 2006 - 2020).
 - + Đối với dự án “Đầu tư dây chuyền sản xuất đường tinh luyện RE” là dự án đầu tư mới tại địa bàn có kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án 4022187241 cấp ngày 13/05/2019) sẽ được áp dụng ưu đãi thuế như sau:
 - Áp dụng dụng thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi có doanh thu từ Dự án. Năm 2021, Công ty đã có doanh thu từ dự án, do đó thuế suất 10% áp dụng từ 2021 đến 2035.
 - Miễn thuế 4 năm và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ Dự án. Năm 2021, Công ty có thu nhập chịu thuế từ Dự án, do đó thời gian miễn thuế từ 2021 – 2024 và giảm 50% thuế TNDN từ 2025 – 2033.
- ✓ Nhà máy Đường Phở Phong: Áp dụng mức thuế suất 15% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.
- ✓ Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam VINASOY Bắc Ninh có dự án đầu tư mở rộng đã thực hiện đầu tư trong giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2013 đáp ứng điều kiện ưu đãi thuế theo quy định, được hưởng ưu đãi thuế đối với đầu tư mở rộng cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2015. Đối với đầu tư sau năm 2014 đáp ứng điều kiện ưu đãi theo quy định, nhà máy được hưởng ưu đãi đối với đầu tư mới. Theo đó, nhà máy áp dụng ưu đãi miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với thu nhập từ dự án đầu tư mở rộng tính từ năm 2016.
- ✓ Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam VINASOY Bình Dương có dự án đầu tư mới thực hiện đầu tư trong năm 2016 đáp ứng điều kiện ưu đãi thuế theo quy định, được hưởng ưu đãi thuế đối với

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- đầu tư mới. Theo đó, nhà máy áp dụng ưu đãi miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với thu nhập từ dự án đầu tư mới tính từ năm 2017.
- ✓ Nhà máy Nước khoáng Thạch Bích có dự án đầu tư mở rộng đã thực hiện đầu tư trong năm 2017. Theo đó, nhà máy được áp dụng ưu đãi miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với thu nhập từ dự án đầu tư mở rộng tính từ năm 2017.
 - ✓ Nhà máy Điện Sinh khối có dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn do đó áp dụng mức thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm (từ 2018 đến 2032); được miễn 4 năm (từ 2018 đến 2021), giảm 50% thuế TNDN phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ 2022 đến 2030).
 - ✓ Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng giống mía Gia Lai được miễn thuế TNDN đối với hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.25 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

		31/12/2021		01/01/2021
Tiền mặt tại quỹ		27.000.518.400		17.936.040.375
+ VND		26.970.913.400		17.847.940.375
+ Vàng tiền tệ (Vàng miếng SJC)	4 miếng	24.380.000	4 miếng	22.220.000
+ Vàng tiền tệ (Vàng nhẫn SJC)	1 nhẫn	5.225.000	12 nhẫn	65.880.000
Tiền gửi ngân hàng		151.881.437.280		404.108.933.518
+ VND		141.811.845.706		403.006.457.673
+ USD	445.777,23 #	10.069.574.537	47.901,40 #	1.102.143.682
+ EUR	0,67 #	17.037	11,86 #	332.163
Cộng		<u><u>178.881.955.680</u></u>		<u><u>422.044.973.893</u></u>

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền gửi có kỳ hạn	3.923.000.000.000	2.639.000.000.000
Cộng	<u><u>3.923.000.000.000</u></u>	<u><u>2.639.000.000.000</u></u>

Tại ngày 31/12/2021, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6 tháng đến không quá 1 năm. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm, tổn thất về giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	2.536.105.330	1.972.675.761
Công ty TNHH Dịch vụ EB	2.371.531.320	3.960.934.685
Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam	23.388.506.349	17.765.891.848
Công ty CP Tetra Pak Việt Nam	36.300.000.000	34.463.000.000
Công ty TNHH FRIESLANDCAMPINA Hà Nam	5.633.177.970	-
Các đối tượng khác	29.390.578.841	21.781.075.875
Cộng	99.619.899.810	79.943.578.169

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi đầu tư cho người trồng mía	240.118.490.215	142.705.451.606
Các đối tượng khác	20.702.833.314	22.893.916.633
Cộng	260.821.323.529	165.599.368.239

9. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	33.285.568.494	-	23.466.126.027	-
Tạm ứng	1.625.068.969	-	2.110.597.792	-
Ký cược, ký quỹ	143.753.255	-	357.293.787	-
Phải thu khác	6.426.986.938	18.451.050	6.991.390.673	18.451.050
Cộng	41.481.377.656	18.451.050	32.925.408.279	18.451.050

b. Dài hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	786.569.947	-	412.183.710	-
Cộng	786.569.947	-	412.183.710	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn		
- Từ 3 năm trở lên	12.471.195.493	11.905.262.301
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	804.215.632	403.282.790
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.029.048.418	604.260.737
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	713.928.212	1.257.552.551
Cộng	16.018.387.755	14.170.358.379

b. Nợ xấu

Nợ phải thu quá hạn	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn
- Trịnh Văn Hùng	478.245.050	-	Trên 3 năm	478.245.050	-	Trên 3 năm
- Công ty Phát triển và Năng lượng Công nghệ	750.000.000	-	Trên 3 năm	750.000.000	-	Trên 3 năm
- Phạm Thị Chính	117.903.750	-	Trên 3 năm	117.903.750	-	Trên 3 năm
- Công ty Cơ khí Việt Nam Vinashin	140.732.500	-	Trên 3 năm	140.732.500	-	Trên 3 năm
- Công ty TNHH Thuận Thành	272.811.481	-	Trên 3 năm	272.811.481	-	Trên 3 năm
- Nguyễn Tài Danh	175.416.672	-	Trên 3 năm	175.416.672	-	Trên 3 năm
- Các đối tượng khác	17.338.586.757	3.255.308.455	0,5 - 21 năm	15.946.634.430	3.711.385.504	0,5 - 20 năm
Cộng	19.273.696.210	3.255.308.455		17.881.743.883	3.711.385.504	

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi là giá trị còn lại sau khi lấy số dư nợ gốc trừ đi mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	60.020.345.714	-	36.080.715.339	-
Nguyên liệu, vật liệu	580.684.042.700	747.552.679	504.424.649.821	-
Công cụ, dụng cụ	11.763.211.140	-	7.043.299.498	-
Chi phí SX, KD dở dang	28.356.905.191	-	70.838.218.894	-
Thành phẩm	132.240.721.191	841.177.077	212.152.121.766	-
Hàng hóa	2.960.017.684	-	12.295.434.674	-
Hàng gửi bán	1.761.211.357	-	874.556.522	-
Cộng	817.786.454.977	1.588.729.756	843.708.996.514	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất tại thời điểm 31/12/2021 là 1.588.729.759 đồng.
- Công ty không dùng hàng tồn kho để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2021.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	170.059.354	123.636.360
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.301.238.688	6.133.359.445
Các khoản khác	7.932.359.915	10.786.410.800
Cộng	17.403.657.957	17.043.406.605

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí thuê đất trả trước	180.178.626.401	184.938.769.296
Công cụ và dụng cụ	14.720.839.662	20.655.243.284
Vỏ chai, kết	8.492.940.503	5.606.178.273
Các khoản khác	16.129.900.649	15.471.729.335
Cộng	219.522.307.215	226.671.920.188

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.383.059.886.519	6.460.847.824.718	290.548.314.743	97.434.291.945	8.231.890.317.925
Mua sắm trong năm	542.178.610	5.041.889.362	40.929.818	2.037.666.363	7.662.664.153
Đ/tư XDCB h/thành	151.615.951.266	772.371.693.434	2.069.416.989	9.268.660.364	935.325.722.053
Sử dụng Quỹ KHCN	103.870.000	33.257.550	-	-	137.127.550
T/lý, nhượng bán	20.847.375.411	208.388.220.863	3.280.738.059	126.916.000	232.643.250.333
Số cuối năm	1.514.474.510.984	7.029.906.444.201	289.377.923.491	108.613.702.672	8.942.372.581.348
Khấu hao					
Số đầu năm	808.554.424.819	3.375.371.352.646	181.577.366.058	75.874.459.189	4.441.377.602.712
Tăng trong năm	89.762.934.147	349.420.235.251	11.676.584.462	9.042.128.271	459.901.882.131
- Khấu hao	89.748.657.950	349.415.664.236	11.676.584.462	8.643.994.938	459.484.901.586
- Sử dụng Quỹ KH&CN	14.276.197	4.571.015	-	398.133.333	416.980.545
T/lý, nhượng bán	20.837.961.426	208.388.220.863	3.280.738.059	126.916.000	232.633.836.348
Số cuối năm	877.479.397.540	3.516.403.367.034	189.973.212.461	84.789.671.460	4.668.645.648.495
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	574.505.461.700	3.085.476.472.072	108.970.948.685	21.559.832.756	3.790.512.715.213
Số cuối năm	636.995.113.444	3.513.503.077.167	99.404.711.030	23.824.031.212	4.273.726.932.853

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2021 là 600.024.392 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 2.663.526.721.643 đồng.

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.474.678.545	54.941.764.050	57.416.442.595
Mua trong năm	-	4.926.694.800	4.926.694.800
Giảm khác	-	-	-
Số cuối năm	2.474.678.545	59.868.458.850	62.343.137.395
Khấu hao			
Số đầu năm	751.838.051	40.250.980.804	41.002.818.855
Khấu hao trong năm	89.982.203	9.529.385.438	9.619.367.641
- Khấu hao	89.982.203	9.487.718.771	9.577.700.974
- Sử dụng Quỹ KH&CN	-	41.666.667	41.666.667
Giảm khác	-	-	-
Số cuối năm	841.820.254	49.780.366.242	50.622.186.496
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.722.840.494	14.690.783.246	16.413.623.740
Số cuối năm	1.632.858.291	10.088.092.608	11.720.950.899

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Công ty không dùng TSCĐ vô hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2021.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 41.953.604.175 đồng.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021	01/01/2021
Mua sắm	12.496.895.837	6.490.285.153
- Mua đất của hộ dân	12.496.895.837	6.490.285.153
Xây dựng cơ bản	34.216.088.714	921.942.862.816
- Dự án mở rộng Nhà máy Đường An Khê 18.000TMN	262.707.865	29.026.192.827
- Dự án Nhà máy điện sinh khối	6.445.620.492	15.853.099.013
- Dự án đường tỉnh lỵ lỵện RE	19.891.810.478	874.667.721.043
- Các công trình khác	7.615.949.879	2.395.849.933
Cộng	46.712.984.551	928.433.147.969

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH Asia Packing Industries Việt Nam	10.060.028.480	10.125.886.595
Công ty CP In bao bì Khatoco	7.998.353.896	9.249.572.524
Công ty CP Tetra Pak Việt Nam	7.884.571.138	7.804.396.337
Công ty TNHH Truyền thông WPP	-	18.715.122.802
Công ty CP Phân bón Việt Nhật	14.670.000.000	11.770.000.000
Công ty CP Hóa chất Á Châu	7.152.838.000	7.708.167.500
Công ty CP Bao bì Kinh Bắc	3.200.304.250	2.272.466.684
Công ty CP TKL	42.505.829.988	-
Công ty TNHH SX-TM-DV Minh Thông	1.790.102.050	2.701.513.650
Công ty TNHH MTV Ứng Dụng & PT Công nghệ	113.113.552.660	130.642.075.208
Công ty CP Xây dựng Đô thị & Khu Công nghiệp	394.623.800	4.651.956.950
Công ty TNHH TM &KT Nguyễn Liêu	1.824.734.851	3.681.569.310
Các đối tượng khác	153.167.361.075	173.411.726.295
Cộng	363.762.300.188	382.734.453.855

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Trung - KV2	123.837.597	1.124.642.546
Công ty TNHH DVTM TH Ngọc Ánh	1.412.597.022	-
Công Ty TNHH Bình Huy Hoàng	1.173.357.951	202.396.575
Công ty TNHH Cán sắt Thanh Hạnh	-	4.485.182.000
Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai	-	2.725.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Lan Sơn	1.127.282.299	225.504.307
Công ty TNHH Thương mại Và Dịch vụ Thăng Thủy	504.453.837	837.952.406
Công ty TNHH Vận tải Việt Chiến	962.313.398	136.217.224
Các đối tượng khác	36.001.847.976	50.091.502.480
Cộng	41.305.690.080	59.828.397.538

18. Thuế và các khoản khác phải thu/phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Thực nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	12.201.299.574	354.008.629.952	353.889.598.854	-	12.309.249.542
Thuế giá trị gia tăng NK	-	-	19.349.491.677	19.349.491.677	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	17.074.839.842	233.598.032.338	233.046.711.399	-	17.626.160.781
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	535.923.205	535.923.205	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	96.340.584.086	185.397.124.171	250.963.148.154	-	30.774.560.103
Thuế thu nhập cá nhân	-	68.916.592	36.359.963.556	36.585.548.658	221.427.988	64.759.478
Thuế tài nguyên	-	150.850.698	2.092.774.274	2.094.959.914	-	148.665.058
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.401.361.238	2.519.424.170	118.062.932	-
Các loại thuế khác	25.785.512	64.420.127	1.001.400.011	1.065.820.138	25.785.512	-
Phí và lệ phí	-	9.998.500	168.975.000	169.030.500	-	9.943.000
Cộng	25.785.512	125.910.909.419	834.913.675.422	900.219.656.669	365.276.432	60.933.337.962

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Trích trước chi phí bán hàng	644.492.412	-
Trích trước lãi vay	1.641.619.016	1.437.413.678
Các khoản trích trước khác	1.467.910.529	1.607.736.050
Cộng	3.754.021.957	3.045.149.728

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Kinh phí công đoàn	311.421.115	400.835.177
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	696.699.697	65.602.279
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.751.587.437	2.737.026.476
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	153.465.375	799.463.475
Phải trả khác	23.153.810.817	16.987.564.068
Cộng	27.066.984.441	20.990.491.475

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	20.356.047.079	20.464.176.088
Cộng	20.356.047.079	20.464.176.088

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	1.723.009.678.809	5.454.981.707.993	5.145.703.266.116	2.032.288.120.686
- Ngân hàng Đầu tư và PT Quảng Ngãi	699.860.025.426	2.031.487.565.565	1.860.855.301.553	870.492.289.438
- Ngân hàng Công thương Quảng Ngãi	529.918.105.420	2.409.755.740.168	2.073.757.462.970	865.916.382.618
- Ngân hàng Ngoại thương Quảng Ngãi	380.713.785.467	979.025.894.218	1.063.860.231.055	295.879.448.630
- Ngân hàng Quân đội Quảng Ngãi	112.517.762.496	34.712.508.042	147.230.270.538	-
Cộng	1.723.009.678.809	5.454.981.707.993	5.145.703.266.116	2.032.288.120.686

22. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Năm 2021	Năm 2020
Số dư đầu năm	7.239.662.831	5.280.448.290
Tăng trong năm (trích lập quỹ)	50.000.000.000	10.000.000.000
Giảm trong năm	6.504.929.572	8.040.785.459
Số dư cuối năm	50.734.733.259	7.239.662.831

Công ty trích lập và sử dụng quỹ phát triển khoa học công nghệ phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty căn cứ theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 28/06/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính (áp dụng từ ngày 01/09/2016) về hướng dẫn thành lập, tổ chức, hoạt động, quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

23. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2020	3.569.399.550.000	353.499.663.780	(834.457.318.216)	567.823.798.211	2.813.256.672.633
Tăng trong năm				38.753.298.032	1.052.977.956.157
Giảm trong năm					955.887.114.043
Số dư tại 31/12/2020	3.569.399.550.000	353.499.663.780	(834.457.318.216)	606.577.096.243	2.910.347.514.747
Số dư tại 01/01/2021	3.569.399.550.000	353.499.663.780	(834.457.318.216)	606.577.096.243	2.910.347.514.747
Tăng trong năm				31.589.338.685	1.253.564.178.457
Giảm trong năm					795.632.493.247
Số dư tại 31/12/2021	3.569.399.550.000	353.499.663.780	(834.457.318.216)	638.166.434.928	3.368.279.199.957

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2021	Năm 2020
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	3.569.399.550.000	3.569.399.550.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	3.569.399.550.000	3.569.399.550.000

Biến động vốn góp của chủ sở hữu trong năm như sau:

	Năm 2021		Năm 2020	
	Số lượng cổ phiếu	Vốn góp của chủ sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Vốn góp của chủ sở hữu
Số dư đầu năm	356.939.955	3.569.399.550.000	356.939.955	3.569.399.550.000
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	356.939.955	3.569.399.550.000	356.939.955	3.569.399.550.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

c. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	356.939.955	356.939.955
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	356.939.955	356.939.955
- Cổ phiếu phổ thông	356.939.955	356.939.955
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	55.534.605	55.534.605
- Cổ phiếu phổ thông	55.534.605	55.534.605
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	301.405.350	301.405.350
- Cổ phiếu phổ thông	301.405.350	301.405.350
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

Cổ phiếu quỹ của Công ty là cổ phiếu do công ty con (Công ty TNHH MTV Thương mại Thành Phát) nắm giữ. Tại ngày 31/12/2021 và ngày 01/01/2021, Công ty TNHH MTV Thương mại Thành Phát đang nắm giữ 55.534.605 cổ phiếu của Công ty (Trong đó, số lượng cổ phiếu mua: 16.467.808 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu được chia từ cổ tức: 39.066.797 cổ phiếu).

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	2.910.347.514.747	2.813.256.672.633
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	1.253.564.178.457	1.052.977.956.157
Phân phối lợi nhuận	795.632.493.247	955.887.114.043
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	644.929.818.247	805.184.439.043
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	31.589.338.685	38.753.298.032
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.529.779.562	12.917.766.011
+ Trả cổ tức bằng tiền	602.810.700.000	753.513.375.000
- Tạm phân phối lợi nhuận năm này	150.702.675.000	150.702.675.000
+ Trả cổ tức bằng tiền	150.702.675.000	150.702.675.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	3.368.279.199.957	2.910.347.514.747

e. Cổ tức

Trả cổ tức năm 2020:

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 30/NQ/QNS-ĐHĐCĐ2021 ngày 03/04/2021 của Công ty thì cổ tức được chi trả từ lợi nhuận năm 2020 (bằng tiền) là tỷ lệ 25% vốn điều lệ.

Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức như sau:

- ✓ Đợt 1: Tạm ứng với tỷ lệ 5% vốn điều lệ, tương ứng 178.469.977.500 đồng (Ngày chốt danh sách cổ đông: 07/09/2020; ngày thực hiện chi trả: 18/09/2020);
- ✓ Đợt 2: Tạm ứng với tỷ lệ 5% vốn điều lệ, tương ứng 178.469.977.500 đồng (Ngày chốt danh sách cổ đông: 01/03/2021; ngày thực hiện chi trả: 11/03/2021);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- ✓ Đợt 3: Trả cổ tức còn lại với tỷ lệ 15% vốn điều lệ, tương ứng 535.409.932.500 đồng (Ngày chốt danh sách cổ đông: 16/04/2021; ngày thực hiện chi trả: 29/04/2021).

Tạm ứng cổ tức năm 2021:

- ✓ Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ 5%/vốn điều lệ, tương ứng 178.469.977.500 đồng (Thời điểm chốt danh sách: 19/08/2021, thời gian chi trả: 01/09/2021).

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a. Tài sản thuê ngoài

Các tài sản thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
Từ 1 năm trở xuống	4.419.342.364	4.439.275.564
Trên 1 năm đến 5 năm	17.757.102.255	17.824.055.378
Trên 5 năm	127.443.875.727	136.948.176.081
Cộng	149.620.320.346	159.211.507.023

b. Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền gửi ngân hàng		
+USD	445.777,23	47.901,40
+EUR	0,67	11,86

c. Vàng tiền tệ

	31/12/2021	01/01/2021
+ Vàng tiền tệ (Vàng miếng SJC)	4 miếng	4 miếng
+ Vàng tiền tệ (Vàng nhẫn SJC)	1 nhẫn	12 nhẫn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán thành phẩm	7.196.504.652.893	6.402.535.351.710
Doanh thu bán hàng hóa	132.598.500.000	73.733.283.477
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.352.912.811	45.896.436.132
Cộng	7.374.456.065.704	6.522.165.071.319

26. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021	Năm 2020
Chiết khấu thương mại	32.072.526.976	25.770.698.306
Hàng bán bị trả lại	7.089.146.673	6.630.546.216
Cộng	39.161.673.649	32.401.244.522

27. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.881.200.206.240	4.319.208.751.355
Giá vốn của hàng hóa đã bán	132.598.500.000	74.620.108.571
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	57.847.000.286	44.455.331.254
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.588.729.756	-
Cộng	5.073.234.436.282	4.438.284.191.180

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	114.613.689.461	114.051.787.552
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.071.435.789	2.517.600.832
Chiết khấu thanh toán	25.230.359.526	25.495.446.085
Cộng	142.915.484.776	142.064.834.469

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

29. Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí lãi vay	65.880.925.449	71.041.570.755
Lỗi chênh lệch tỷ giá	400.496.037	805.915.138
Cộng	66.281.421.486	71.847.485.893

30. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân viên bán hàng	276.524.311.903	246.484.017.551
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	171.200.359.736	140.401.741.749
Chi phí quảng cáo	107.873.815.627	81.531.815.425
Chi phí khuyến mãi	14.135.932.100	39.764.389.428
Chi phí trưng bày, sampling	22.780.564.319	23.981.017.376
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	77.070.661.331	64.622.271.684
Các khoản khác	24.347.202.184	57.328.630.127
Cộng	693.932.847.200	654.113.883.340

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí lương nhân viên quản lý	107.411.211.001	114.436.910.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.997.923.306	31.230.326.677
Chi phí tiếp khách	2.061.514.759	2.205.579.993
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng phẩm	6.257.017.019	5.932.097.610
Chi phí trích quỹ PTKH&CN	50.000.000.000	10.000.000.000
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.848.029.376	1.922.099.561
Các khoản khác	67.932.782.184	68.608.483.053
Cộng	252.508.477.645	234.335.496.961

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

31. Thu nhập khác

	Năm 2021	Năm 2020
Nhận hỗ trợ marketing	33.069.006.976	31.330.000.000
Thu nhập thanh lý vật tư, TSCĐ	18.665.851.843	5.545.723.956
Các khoản khác	1.294.880.915	1.154.145.216
Cộng	53.029.739.734	38.029.869.172

32. Chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
Các khoản phạt	383.137.323	582.579.287
Các khoản khác	5.742.027.498	4.261.084.832
Cộng	6.125.164.821	4.843.664.119

33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.439.157.269.131	1.266.433.808.945
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	8.852.535.877	6.843.027.260
- Điều chỉnh tăng	9.834.528.392	5.969.779.174
+ Lỗ CLTG đánh giá số dư tiền, nợ phải thu	170.442.932	132.468.766
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	9.664.085.460	5.837.310.408
- Điều chỉnh giảm	2.160.000	18.768.328
+ Lãi CLTG đánh giá số dư tiền, nợ phải thu	2.160.000	18.768.328
- Điều chỉnh lãi/lỗ chưa thực hiện	(979.832.515)	892.016.414
+ Tăng từ lợi nhuận chưa thực hiện kỳ này	22.470.813	1.002.303.328
+ Giảm từ lợi nhuận năm trước thực hiện kỳ này	(1.002.303.328)	(110.286.914)
Tổng thu nhập chịu thuế	1.448.009.805.008	1.273.276.836.205
Thu nhập được miễn thuế	320.052.453.548	9.929.995.977
Tổng thu nhập tính thuế	1.127.957.351.460	1.263.346.840.228
Thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Từ hoạt động SXKD chính	182.051.859.958	210.175.267.398
- Thu nhập khác	4.512.700.144	1.746.570.434
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	185.397.124.171	213.634.256.071
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	186.564.560.102	211.921.837.832
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	(1.167.435.931)	1.712.418.239

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

34. Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.253.564.178.457	1.052.977.956.157
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(12.535.641.785)	(10.529.779.562)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	12.535.641.785	10.529.779.562
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.241.028.536.672	1.042.448.176.595
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	301.405.350	301.405.350
Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.117	3.459

Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang (không gồm cổ phiếu quỹ)	301.405.350	301.405.350
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành thêm cho người lao động	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	301.405.350	301.405.350

35. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.484.773.935.604	3.082.303.953.988
Chi phí nhân công	551.418.454.665	576.766.180.978
Chi phí khấu hao tài sản cố định	469.062.602.560	465.687.336.598
Chi phí dịch vụ mua ngoài	486.590.161.062	491.243.913.200
Chi phí khác bằng tiền	540.239.947.114	518.730.734.947
Cộng	5.532.085.101.006	5.134.732.119.711

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

36. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận của Công ty theo hoạt động kinh doanh của từng đơn vị trực thuộc và công ty con như sau:

Báo cáo bộ phận theo hoạt động kinh doanh	Sản phẩm đường		Sản phẩm Sữa đậu nành		Thành Phát		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bộ phận	1.583.711.923.218	994.063.195.612	4.090.749.390.592	3.875.088.825.443	1.178.407.540.597	1.053.068.503.580	1.400.233.560.264	1.344.337.442.517	(917.808.022.616)	(776.794.140.355)	7.335.294.392.055	6.489.763.826.797
Giá vốn bộ phận	1.212.061.556.948	962.413.550.817	2.444.966.193.800	2.165.651.739.568	1.144.984.246.402	1.014.367.381.711	1.179.588.096.894	1.065.597.214.674	(908.365.657.762)	(769.745.695.590)	5.073.234.436.282	4.438.284.191.180
Lợi nhuận gộp	371.650.366.270	31.649.644.795	1.645.783.196.792	1.709.437.085.875	33.423.294.195	38.701.121.869	220.645.463.370	278.740.227.843	(9.442.364.854)	(7.048.444.765)	2.262.059.955.773	2.051.479.635.617
Doanh thu hoạt động tài chính											142.915.484.776	142.064.834.469
Chi phí tài chính											66.281.421.486	71.847.485.893
Chi phí bán hàng											693.932.847.200	654.113.883.340
Chi phí quản lý doanh nghiệp											252.508.477.645	234.335.496.961
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh											1.392.252.694.218	1.233.247.603.892
Thu nhập khác											53.029.739.734	38.029.869.172
Chi phí khác											6.125.164.821	4.843.664.119
Lợi nhuận khác											46.904.574.913	33.186.205.053
Lợi nhuận trước thuế											1.439.157.269.131	1.266.433.808.945
Thuế TNDN											185.593.090.674	213.455.852.788
Lợi nhuận sau thuế TNDN											1.253.564.178.457	1.052.977.956.157

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

31/12/2021	Tài sản của bộ phận					Khấu hao TSCĐ Năm 2021
	Nguyên giá TSCĐ HH	Hao mòn lũy kế	Nợ phải thu	Tổng tài sản	Nợ phải trả	
Hoạt động SXKD sản phẩm Đường	3.639.223.609.182	(1.458.809.725.352)	234.634.968.416	2.802.246.134.914	36.160.186.565	188.948.384.371
Hoạt động SXKD sản phẩm Sữa đậu nành	2.032.985.805.328	(1.663.447.075.803)	59.863.679.084	872.686.010.090	185.249.785.286	128.348.325.379
Công ty TNHH MTV Thương mại Thành Phát	2.961.128.358	(2.710.580.628)	122.228.138.643	957.627.603.052	17.892.874.095	59.180.997
Hoạt động SXKD khác	3.267.202.038.480	(1.543.678.266.712)	92.069.951.776	6.999.771.771.889	2.663.665.848.684	151.706.711.813
	8.942.372.581.348	(4.668.645.648.495)	508.796.737.919	11.632.331.519.945	2.902.968.694.630	469.062.602.560
Các khoản loại trừ	-	-	(122.105.954.732)	(1.756.581.249.598)	(122.105.954.732)	-
Tổng cộng	8.942.372.581.348	(4.668.645.648.495)	386.690.783.187	9.875.750.270.347	2.780.862.739.898	469.062.602.560

01/01/2021	Tài sản của bộ phận					Khấu hao TSCĐ Năm 2020
	Nguyên giá TSCĐ HH	Hao mòn lũy kế	Nợ phải thu	Tổng tài sản	Nợ phải trả	
Hoạt động SXKD sản phẩm Đường	3.184.842.111.835	(1.673.482.459.564)	133.617.330.854	2.025.590.143.028	62.230.411.821	161.604.778.211
Hoạt động SXKD sản phẩm Sữa đậu nành	2.004.795.576.153	(1.542.142.419.349)	52.226.412.899	1.005.033.987.347	178.535.932.835	153.630.734.541
Công ty TNHH MTV Thương mại Thành Phát	2.696.815.631	(2.696.815.631)	168.952.089.874	1.008.035.387.655	39.670.519.197	
Hoạt động SXKD khác	3.039.555.814.306	(1.223.055.908.168)	78.316.087.342	6.915.332.333.094	2.432.929.319.839	150.451.823.846
	8.231.890.317.925	(4.441.377.602.712)	433.111.920.969	10.953.991.851.124	2.713.366.183.692	465.687.336.598
Các khoản loại trừ	-	-	(168.401.740.951)	(1.803.660.901.829)	(168.401.740.951)	-
Tổng cộng	8.231.890.317.925	(4.441.377.602.712)	264.710.180.018	9.150.330.949.295	2.544.964.442.741	465.687.336.598

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

37. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty có giao dịch bằng ngoại tệ. Do đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ kế toán như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
Tài sản tài chính		
Tiền		
- USD	445.777,23	47.901,40
- EUR	0,67	11,86
Phải thu khách hàng (USD)	8.862,00	24.405,22
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán (USD)	148.940,00	324.150,06
Phải trả người bán (EUR)	184.600,00	188.650,00
Phải trả người bán (JPY)	-	42.000,00
Phải trả khác (USD)	50.907,25	40.867,25

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước và nước ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa, nguyên vật liệu đầu vào. Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty đặc biệt chú ý đến rủi ro về giá nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá hàng hóa, nguyên vật liệu ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Quản lý rủi ro tín dụng

Phải thu khách hàng

Công ty bán hàng theo các phương thức sau: bán buôn thông qua các nhà phân phối chính và các đại lý và bán lẻ thông qua Công ty con là Công ty TNHH MTV Thương mại Thành Phát.

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng là một số khoản nợ phải thu. Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp tùy vào các phương thức bán hàng:

- Bán hàng qua các nhà phân phối chính: Thanh toán trước khi nhận hàng hoặc chậm trả.
- Bán hàng qua các đại lý: Công ty có hệ thống các đại lý là những đơn vị có tình hình tài chính tốt. Các đại lý sẽ được hưởng các chính sách bán hàng ưu đãi về giá, về sản lượng, về chiết khấu thanh toán. Tùy theo từng mặt hàng, từng thời điểm mà đại lý được áp dụng các điều khoản thanh toán phù hợp như thanh toán tiền trước khi nhận hàng (Đường, Sữa, Bia...) hoặc chậm trả.
- Bán lẻ: Thông qua các cửa hàng bán lẻ thuộc Công ty TNHH MTV Thương mại Thành Phát với hình thức thu bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng rủi ro tín dụng trọng yếu của Công ty với các khoản phải thu khách hàng là kiểm soát được.

Đầu tư tài chính

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được giao dịch tại các ngân hàng lớn. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với các khoản tiền gửi ngân hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	363.762.300.188	-	363.762.300.188
Chi phí phải trả	3.754.021.957	-	3.754.021.957
Vay và nợ thuê tài chính	2.032.288.120.686	-	2.032.288.120.686
Phải trả khác	26.058.863.629	20.356.047.079	46.414.910.708
Cộng	2.425.863.306.460	20.356.047.079	2.446.219.353.539
01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	382.734.453.855	-	382.734.453.855
Chi phí phải trả	3.045.149.728	-	3.045.149.728
Vay và nợ thuê tài chính	1.723.009.678.809	-	1.723.009.678.809
Phải trả khác	20.524.054.019	20.464.176.088	40.988.230.107
Cộng	2.129.313.336.411	20.464.176.088	2.149.777.512.499

Công ty không có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn. Do đó, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	178.881.955.680	-	178.881.955.680
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.923.000.000.000	-	3.923.000.000.000
Phải thu khách hàng	96.135.888.234	-	96.135.888.234
Phải thu khác	39.837.857.637	786.569.947	40.624.427.584
Cộng	4.237.855.701.551	786.569.947	4.238.642.271.498

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	422.044.973.893	-	422.044.973.893
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.639.000.000.000	-	2.639.000.000.000
Phải thu khách hàng	76.582.828.093	-	76.582.828.093
Phải thu khác	30.796.359.437	412.183.710	31.208.543.147
Cộng	3.168.424.161.423	412.183.710	3.168.836.345.133

38. Thông tin về các bên liên quan

Lương, thưởng của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

Danh sách	Chức vụ	Năm 2021	Năm 2020
Võ Thành Đàng	Tổng Giám đốc Phó chủ tịch HĐQT	1.699.830.769	1.706.098.594
Trần Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc Chủ tịch HĐQT	1.106.522.769	1.107.605.979
Nguyễn Hữu Tiến	Phó Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT	1.106.522.769	1.186.098.594
Ngô Văn Tụ	Giám đốc NM Sữa Vinasoy Thành viên HĐQT	2.213.351.413	2.280.767.426
Đặng Phú Quý	Giám đốc Công ty Thành Phát Thành viên HĐQT	1.066.379.250	911.281.672
Nguyễn Thế Bình	Kế Toán Trưởng	844.715.077	822.244.684

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

39. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngày 06/01/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị số 004/NQ-QNS-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ 5%/vốn điều lệ, tương ứng 178.469.977.500 đồng (Thời điểm chốt danh sách: 20/01/2022, thời gian chi trả: 28/01/2022).

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

40. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi AAC.



Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Bình

Người lập



Trần Thị Xuân Hiền